

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2025 (ĐỢT 2)
từ ngày 18/7 đến 10/8. Cập nhật đến 9h00 ngày 10/8/2025

Thời gian nhập học đợt 2: từ 8h00 ngày 23/8/2025 (cả ngày)

Thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển nhưng không nhận được giấy báo trúng tuyển VẪN đến nhập học bình thường hoặc liên hệ 0888.811.980 để được cấp lại giấy báo trúng tuyển;

Thí sinh đã trúng tuyển đợt 1 nhưng chưa đến nhập học thì vẫn đến nhập học đợt 2

Mã HS	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Thí sinh chọn 2 trong 6 môn sau						Tổng 2 môn XT điểm	Điểm ưu tiên		Điểm XT
					Toán	Văn	Ngoại ngữ	Sinh học	Hóa học	Vật lý		KV	ĐT	

I Ngành Dược

D.DUC008	HÀ THỊ LINH	Nữ	25/08/2007	XÃ VĂN BÀN, LÀO CAI	9.5			9			18.5	0.75	0	19.25
D.DUC009	HỒ TÙNG DƯƠNG	Nam	26/03/2007	ĐẠI HUỖ, NGHỆ AN	7.2	7.8					15	0.75	0	15.75
D.DUC010	NGUYỄN HỮU THÀNH	Nam	17/02/2007	ĐẠI HUỖ, NGHỆ AN	7.7			8.5			16.2	0.25	0	16.45
D.DUC011	NGÔ QUANG THẮNG	Nam	09/05/2007	PHÚC LÂM, MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		9.3	9.1				18.4	0.25	0	18.65
D.DUC012	NGUYỄN QUÝ CƯỜNG	Nam	02/11/2007	XÃ DÂN HOÀ, HÀ NỘI			6.9			7.5	14.4	0.25	0	14.65
D336	HOÀNG TỔNG KHÁNH LINH	Nữ	11/10/2007	PHƯỜNG HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.1		8.9			17	0	0	17
D337	LÊ THUỖ LINH	Nữ	16/05/2007	XÃ VẠN LỘC, THANH HOÁ	8.4			7.7			16.1	0.5	0	16.6
D338	NGUYỄN TRIỆU PHONG	Nam	27/09/2007	XÃ ĐẠI THANH, HÀ NỘI					9	8.8	17.8	0.25	0	18.05
D339	NGUYỄN THỊ DIỄM	Nữ	01/08/2007	XÃ BÌNH MINH, HÀ NỘI					8.7	8.7	17.4	0.25	0	17.65

D340	NGUYỄN THUÝ NGÀ	Nữ	17/01/2007	XÃ TAM HƯNG, HÀ NỘI					9	9.3	18.3	0.25	0	18.55
D341	NGUYỄN BÍCH LIÊN	Nữ	02/09/2007	XÃ THIÊN LỘC, HÀ NỘI	7.6	6.7					14.3	0.25	0	14.55
D342	ĐOÀN THỊ KIM THANH	Nữ	19/06/2007	XÃ VĨNG XUYÊN, HÀ NỘI			9.3		9.1		18.4	0.25	0	18.65
D343	TỔNG KIỀU THU	Nữ	11/11/2007	XÃ BÌNH LỤC, NINH BÌNH	7			8			15	0.75	0	15.75
D344	CHU THỊ THANH TÂM	Nữ	23/03/2007	THỊ TRẤN VĨNH TRỤ, HÀ NAM	7.4		7.1				14.5	0.5	0	15
D345	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	20/11/2007	PHƯỜNG HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			8.8			9.8	18.6	0	0	18.6
D346	PHẠM THU HIỀN	Nữ	07/02/2007	XÃ THỊ NGHỆP, HUYỆN XUÂN TRƯỞNG, NAM ĐỊNH				8.4	7.2		15.6	0.5	0	16.1
D347	NGUYỄN ĐĂNG NAM	Nam	15/11/2007	XÃ QUẢNG BỊ, HÀ NỘI	8.5	8.2					16.7	0.75	0	17.45
D348	ĐINH THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	02/09/2007	XÃ VĂN TỰ, HÀ NỘI		9.1				9.2	18.3	0.25	0	18.55
D349	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	17/10/2006	XÃ LAM SƠN, THANH HOÁ				8.5	8.2		16.7	0.5	0	17.2
D350	TÔNG THỊ THU THỦY	Nữ	19/02/2007	MƯỜNG LẠN, MƯỜNG ẢNG, ĐIỆN BIÊN	7.2	8.1					15.3	0.75	0	16.05
D351	VŨ AN	Nam	04/04/2007	BA ĐÌNH, HÀ NỘI		6.5	7				13.5	0.25	0	13.75
D352	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	18/10/2007	SONG PHƯƠNG, HÀ NỘI			8.7		8.6		17.3	0.25	0	17.55
D353	NGÔ LAN HƯƠNG	Nữ	10/08/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI		8.3				8.2	16.5	0.5	0	17
D354	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	18/06/2007	XÃ THỊNH MINH, PHÚ THỌ				8		8.5	16.5	0.75	0	17.25
D355	ĐOÀN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	24/12/2007	XÃ VĨNG XUYÊN, HÀ NỘI		7.9		8			15.9	0.25	0	16.15
D356	THÀO THỊ HẢO	Nữ	20/06/2007	THUẬN CHÂU, SƠN LA				8.4	8		16.4	0.75	0	17.15
D357	QUÁCH QUỲNH NHƯ	Nữ	23/12/2007	XÃ CHƯƠNG DƯƠNG, HÀ NỘI	7.3	8					15.3	0.25	0	15.55

D358	HỒ DIỆU THUÝ VY	Nữ	07/09/2007	XÃ QUỲNH LONG, NGHỆ AN	8.3	8.1					16.4	0.5	0	16.9
D360	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	02/11/2007	BÃI CHÁY, QUẢNG NINH	7.2	7.1					14.3	0.25	0	14.55
D361	CẦN THỊ NGỌC MINH	Nữ	30/11/2007	XÃ BA VÌ, HÀ NỘI	8.3	8.4					16.7	0.75	0	17.45
D362	HOÀNG QUÁCH THANH PHONG	Nam	13/12/2007	XÃ HỢP KIM, PHÚ THỌ			6.7		6.3		13	0.75	0	13.75
D363	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	09/01/2007	ĐỒNG TÂM, MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.1	8.2					16.3	0.25	0	16.55
D364	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	12/10/2007	XÃ ĐẠI HOÀNG, NINH BÌNH	8			8.8			16.8	0.5	0	17.3
D365	TRẦN THỊ THUÝ HẰNG	Nữ	12/02/2007	PHƯỜNG PHONG CHÂU, PHÚ THỌ		7.3				7.3	14.6	0.25	0	14.85
D366	HÀ THỊ LAN ANH	Nữ	22/12/2007	XÃ YÊN DƯƠNG, VĨNH PHÚC		8.1		8.1			16.2	0.75	0	16.95
D367	PHẠM THÙY TRANG	Nữ	27/07/2007	XÃ GIAO THỦY, NINH BÌNH		8.3		9			17.3	0.5	0	17.8
D368	TRẦN THỊ MINH THƯ	Nữ	07/04/2007	XÃ NGHI SƠN, THANH HOÁ		7.8		8.3			16.1	0.75	0	16.85
D369	LÊ NHẬT LINH	Nữ	24/03/2007	PHƯỜNG THÀNH VINH, NGHỆ AN					9.3	9.2	18.5	0.25	0	18.75
D370	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Nam	24/01/2007	CHẤT BÌNH, NINH BÌNH			7.8	9.1			16.9	0.75	0	17.65
D371	ĐỖ NGỌC ÁNH	Nữ	29/01/2007	XÃ THÁI BÌNH, LẠNG SƠN				8.1	8.2		16.3	0.75	0	17.05
D372	LÊ NGỌC KHÁNH LINH	Nữ	13/03/2007	XÃ QUẢNG TRUNG, THANH HOÁ	7.6	7					14.6	0.75	0	15.35
D373	PHÙNG THỊ TON	Nữ	19/06/2007	MỎ VÀNG, YÊN BÁI		6.4		7.1			13.5	0.75	0	14.25
D374	TRẦN HẢI YẾN	Nữ	28/01/2007	KIM BÌNH, CHIÊM HOÁ, TUYÊN QUANG		7.3		7.3			14.6	0.75	0	15.35
D375	HOÀNG HỒNG MINH	Nữ	20/09/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.3	8.1					15.4	0.25	0	15.65
D377	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	23/10/2007	ĐỒNG NGUYÊN, TỪ SƠN, BẮC NINH	7.3				7.6		14.9	0.25	0	15.15

D378	NGUYỄN THÁI SƠN	Nam	30/10/2007	XÃ VĂN CẨM, HƯNG HÀ, THÁI BÌNH					8.7	8.5	17.2	0.5	0	17.7
D379	MAI BÙI LƯU LY	Nữ	30/12/2007	YÊN PHÚ, VĂN YÊN, YÊN BÁI				8.5		8	16.5	0.75	0	17.25
D380	BÀN ĐỖ THU HÀ	Nữ	16/11/2007	YÊN MINH, HÀ GIANG				8.3		7.6	15.9	0.75	0	16.65
D381	NGUYỄN XUÂN MINH HIẾU	Nam	16/05/2007	XÃ PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI	8	7.6					15.6	0.25	0	15.85
D383	HÀ HOÀNG HẢI ĐĂNG	Nam	17/07/2007	VĂN CHẤN, LÀO CAI	6.3					7.3	13.6	0.75	0	14.35
D384	VŨ ĐỨC LONG THÀNH	Nam	04/12/2007	THỊ XÃ LAI CHÂU, LAI CHÂU		8			8.5		16.5	0.75	0	17.25
D385	VŨ THỊ VÂN ANH	Nữ	20/08/2007	TIỀN PHƯƠNG, HÀ NỘI	8.9			8.7			17.6	0.25	0	17.85
D386	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	16/09/2007	LƯƠNG TÀI, BẮC NINH		8.3			8.4		16.7	0.5	0	17.2
D387	VŨ THỊ THÚY LIÊN	Nữ	20/08/2007	TIỀN PHƯƠNG, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.9				9		17.9	0.25	0	18.15
D388	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	26/12/2003	XÃ LIÊN SƠN, PHÚ THỌ	7.3	7.2					14.5	0.75	0	15.25
D389	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	22/04/2007	XÃ QUẢNG BÌ, HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.5	8.9		18.4	0.25	0	18.65
D390	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	15/12/2007	XÃ PHƯƠNG TIỀN, HUYỆN VỊ XUYỀN, HÀ GIANG					7.8	8.2	16	0.75	0	16.75
D391	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	01/01/2005	HOÀ PHÚ, ỨNG HOÀ, HÀ NỘI				8.7	7.6		16.3	0.25	0	16.55
D392	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	10/06/2007	VĂN LANG, PHÚ THỌ	7.1				7.9		15	0.5	0	15.5
D393	HÀN ĐỨC NAM SƠN	Nam	14/11/2002	PHƯỜNG SƠN TÂY, HÀ NỘI	8.4				8.3		16.7	0.25	0	16.95
D394	LÊ MẠNH QUÂN	Nam	07/12/2007	PHƯỜNG CAM ĐƯỜNG, LÀO CAI	8.3				7.8		16.1	0.75	0	16.85
D395	NGÔ TÙNG DƯƠNG	Nam	26/12/2007	PHƯỜNG CAM ĐƯỜNG, LÀO CAI				6.5	6.9		13.4	0.25	0	13.65
D396	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	15/11/2007	QUỲNH HOÀNG, QUỲNH PHỤ, THÁI BÌNH					9.3	9	18.3	0.5	0	18.8

D397	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	21/11/2007	SONG PHƯƠNG, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	7.6					8.4	16	0.25	0	16.25
D398	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/06/2005	TÂY PHƯƠNG, HÀ NỘI		7.7			7.8		15.5	0.25	0	15.75
D399	BÙI CAO BẢO TRUNG	Nam	28/09/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.5	8.4					16.9	0	0	16.9
D400	PHÙNG THỊ THANH THẢO	Nữ	21/11/2005	HỮU VĂN, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.5					9.3	17.8	0.25	0	18.05
D401	LƯƠNG THỊ HUẾ	Nữ	22/08/2006	MAI ĐÌNH, SÓC SƠN, HÀ NỘI		8.3		9.2			17.5	0.25	0	17.75
D402	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	10/10/2007	LƯƠNG TÀI, BẮC NINH	7.4				8.1		15.5	0.5	0	16
D403	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THÚY	Nữ	16/10/2007	DÂN HÒA, HÀ NỘI	8.4					8.2	16.6	0.5	0	17.1
D404	VŨ THU THƯƠNG	Nữ	31/07/2007	VẠN THẮNG, HÀ NỘI	8.8	8.5					17.3	0.5	0	17.8
D405	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	22/04/2007	VẠN THẮNG, HÀ NỘI		8.6			9.6		18.2	0.25	0	18.45
D406	NGUYỄN BẢO YẾN	Nữ	17/03/2007	CAO DƯƠNG, LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH		7.7	7.6				15.3	0.75	0	16.05
D407	TẠ THỊ THU THẢO	Nữ	30/06/2007	XÃ NINH SỞ, HÀ NỘI	9.7				9.1		18.8	0.5	0	19.3
D408	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	29/06/2007	HÒA XÁ, HÀ NỘI	9.1	8.2					17.3	0.25	0	17.55
D409	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	Nữ	11/01/2006	XÃ HÒA XÁ, HÀ NỘI		8.7			8.8		17.5	0.25	0	17.75
D410	NGUYỄN THU NGÂN	Nữ	09/01/2007	PHÚC LỘC, HÀ NỘI	7.3	7					14.3	0.75	0	15.05
D411	NGUYỄN HẢI ANH	Nam	15/05/2007	XÃ MỸ ĐỨC, HÀ NỘI			7.8			8.2	16	0.25	0	16.25
D412	NGUYỄN THỊ ĐAN LÊ	Nữ	03/08/2007	THANH SƠN, LẠNG SƠN				8.8		8.1	16.9	0.75	0	17.65
D413	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	18/10/2007	XÃ CẤN HỮU, HÀ NỘI					9.5	9	18.5	0.25	0	18.75
D414	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	15/10/2007	XÃ ĐÔNG QUANG, HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI				8.5	8.5		17	0.25	0	17.25

D415	LÝ THỊ NHUNG	Nữ	14/02/2007	CHÂU SƠN, ĐÌNH LẬP, LẠNG SƠN	7.2	8.2					15.4	0.75	0	16.15
D416	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	Nữ	02/06/2007	THỊ TRẦN CHỜ, YÊN PHONG, BẮC NINH		7.7				7.6	15.3	0.5	0	15.8
D417	TRẦN THU PHƯƠNG	Nữ	19/05/2006	XÃ PHÚC SƠN, HÀ NỘI	8.6		8.7				17.3	0.25	0	17.55
D418	HOÀNG XUÂN MAI	Nữ	16/09/2007	VĂN LANG, HẠ HOÀ, PHÚ THỌ			6.9		8.1		15	0.25	0	15.25
D419	LÊ THỊ YẾN VY	Nữ	06/02/2007	YÊN THỌ, NAM ĐỊNH	9.2			9.4			18.6	0.75	0	19.35
D420	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	14/04/2007	BIÊN GIANG, HÀ NỘI		8.5			8.4		16.9	0.25	0	17.15
D421	LÊ PHÚC QUÝ	Nam	09/08/2007	XÃ THANH OAI, HÀ NỘI	7.2	7					14.2	0.25	0	14.45
D422	NGUYỄN HUYỀN MY	Nữ	16/04/2007	XÃ CHUYÊN MỸ, HÀ NỘI	9		8.6				17.6	0.25	0	17.85
D423	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	30/06/2007	XÃ BÍCH HOÀ, HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI					8.4	8.6	17	0.25	0	17.25
D424	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	13/06/2007	XÃ ĐÔNG SƠN, HÀ NỘI	5.2	7.5					12.7	0.75	0	13.45
D425	NGUYỄN THANH PHÚC	Nữ	05/03/2007	DÂN HOÀ, HÀ NỘI		9	9.2				18.2	0.25	0	18.45
D426	PHẠM QUỲNH CHI	Nữ	18/08/2007	TRÀNG AN, HÀ NAM			7.6			7.2	14.8	0.5	0	15.3
D428	NGÔ THÚY NGÂN	Nữ	09/10/2007	NĂM MINH, NINH BÌNH					8.5	8.2	16.7	0.5	0	17.2
D431	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	09/12/2007	XÃ THANH OAI, HÀ NỘI					9.6	8.8	18.4	0.25	0	18.65
D432	TRẦN MẠNH TRÚC ANH	Nữ	18/07/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.1	8.3				16.4	0	0	16.4
D433	ĐOÀN HUY HOÀNG	Nam	19/09/2007	XÃ TIÊN LỮ, HƯNG YÊN	9.2					9.2	18.4	0.5	0	18.9
D434	LÊ THỊ THANH NHÀN	Nữ	17/06/2007	XÃ GIA VÂN, NINH BÌNH	7.2			7.2			14.4	0.5	0	14.9
D435	QUÁCH THỊ HUYỀN	Nữ	16/11/2007	ĐỒNG PHONG, NINH BÌNH	6.8		7.2				14	0.5	0	14.5

D436	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	17/09/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8	8.8				16.8	0	0	16.8
D437	TRẦN THU TRÀ	Nữ	24/06/2007	THƯỢNG PHÚC, HÀ NỘI	8.9					8.9	17.8	0	0	17.8
D438	ĐỖ THỊ THANH HẢI	Nữ	06/04/2007	TIẾN THẮNG, NINH BÌNH				9	8.8		17.8	0.25	0	18.05
D439	NGUYỄN THỊ ĐÔNG	Nữ	28/11/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI	6.3	7.6					13.9	0.25	0	14.15
D440	BÙI TRẦN HÀ TRANG	Nữ	23/11/2003	TÂY THÁI NINH, HƯNG YÊN			7.4		7.1		14.5	0.75	0	15.25
D441	NGUYỄN THỊ DIỆP CHI	Nữ	11/07/2007	XÃ AN KHÁNH, HÀ NỘI		8.5		9.2			17.7	0.5	0	18.2
D442	BẠCH MINH TÂM	Nữ	28/08/2007	XÃ HỒNG SƠN, HÀ NỘI	7.5	8.2					15.7	0.25	0	15.95
D443	DƯƠNG PHÚ CƯỜNG	Nam	02/08/2007	XÃ MINH ĐỨC, HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.2			8.5			16.7	0.25	0	16.95
D444	ĐÀO VĂN HIỆP	Nam	31/03/2007	XÃ ĐAN HẢI, HÀ TĨNH			7.3	7			14.3	0.5	0	14.8
D445	LÊ QUỐC THẮNG	Nam	18/08/2007	TRẦM LỘNG, HÀ NỘI	9.7	7.7					17.4	0.25	0	17.65
D446	ĐỖ THẢO MY	Nữ	25/11/2007	MỘC CHÂU, SƠN LA		7.1				7.9	15	0.25	0	15.25
D447	TẠ THỊ QUỲNH	Nữ	25/02/2007	TAM SƠN, TỪ SƠN, BẮC NINH					8.2	8.3	16.5	0.25	0	16.75
D448	NGUYỄN TẤT ANH TÀI	Nam	14/12/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8	8.6				16.6	0.75	0	17.35
D449	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	17/08/2007	TẢN LĨNH, HÀ NỘI	8.2		8.3				16.5	0.75	0	17.25
D450	HOÀNG THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	19/06/2007	XÍCH THỔ, NINH BÌNH	7.4				7.9		15.3	0.75	0	16.05
D451	TRẦN THANH THANH	Nữ	13/05/2007	HÁN ĐÀ, YÊN BÁI					7.2	7.6	14.8	0.75	0	15.55
D452	TRẦN MAI PHƯƠNG	Nữ	30/04/2007	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8		7.8				15.8	0.25	0	16.05
D453	ĐÀM THỊ QUỲNH CHI	Nữ	22/05/2007	XÃ VĂN GIANG, HƯNG YÊN		7.5	8				15.5	0.5	0	16

D454	LÊ THỊ KIỀU ANH	Nữ	21/10/2007	CHƯƠNG DƯƠNG, HÀ NỘI	8.2	7.6					15.8	0.25	0	16.05
D455	LÊ THỊ KIM OANH	Nữ	05/11/2006	MỸ TIẾN, NAM ĐỊNH		8.5	8				16.5	0.25	0	16.75
D456	TRẦN HÀ PHƯƠNG	Nữ	26/06/2007	XÃ QUẢNG OAI, HÀ NỘI	8.4				9.5		17.9	0.25	0	18.15
D458	HOÀNG THUỖ LINH	Nữ	23/12/2007	XÃ MINH TÂN, HUYỆN VĨNH LỘC, THANH HOÁ	7.3		6.9				14.2	0.5	0	14.7
D459	ĐỖ MINH TRANG	Nữ	30/08/2007	THƯỢNG ĐÌNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI	6.3	8.1					14.4	0	0	14.4
D460	NGUYỄN THANH MY	Nữ	30/12/2007	XÃ AN NINH, HUYỆN TIỀN HẢI, THÁI BÌNH	9.7			9.3			19	0.5	0	19.5
D461	NGUYỄN TUẤN HUY	Nam	21/03/2007	XÃ TÀ THANH OAI, HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI				9.6		9.5	19.1	0.25	0	19.35
D462	BÙI PHƯƠNG LINH	Nữ	18/08/2007	PHÚC THỌ, HÀ NỘI	8.3	8.1					16.4	0.25	0	16.65
D463	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	23/03/2007	PHÚC LỘC, HÀ NỘI		9.2				8.8	18	0.25	0	18.25
D464	LÊ XUÂN KIÊN	Nam	24/12/2007	LIÊN CHÂU, THANH OAI,, HÀ NỘI	8.2	8.9					17.1	0	0	17.1
D465	NGUYỄN DIỆU THẢO	Nữ	10/07/2007	TIỀN NGUYÊN, TUYÊN QUANG	6.8				8.3		15.1	0.75	0	15.85
D466	LỤC THỊ OANH	Nữ	01/02/2007	MINH QUANG, TUYÊN QUANG	7.1	7.5					14.6	0.75	0	15.35
D467	LÊ ĐẶNG THUÝ NGÀ	Nữ	28/06/2007	THANH CHÂU HÀ NAM, NINH BÌNH				8.7	8.4		17.1	0.25	0	17.35
D468	CAO THỊ HIỀN THƯƠNG	Nữ	14/10/2007	HỒNG SƠN, HÀ NỘI	9		9.3				18.3	0.25	0	18.55
D469	ĐÀO THỊ TRÀ MY	Nữ	16/09/2007	XÃ PHÚC LỘC, HÀ NỘI	8	9.3					17.3	0.25	0	17.55
D470	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	18/08/2007	TÂY HỒ, HÀ NỘI				9.3	9.3		18.6	0	0	18.6
D471	VŨ MAI PHƯƠNG	Nữ	19/11/2007	CHIỀNG KHƯƠNG, SƠN LA		8.2	8				16.2	0.75	0	16.95
D472	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	15/09/2007	BẢN BO, TAM ĐƯỜNG, LAI CHÂU	7.3			9			16.3	0.75	0	17.05

D473	PHẠM THỊ HƯỜNG	Nữ	27/04/2001	GIAO HẢI, GIAO THUỶ, NAM ĐỊNH	8.8				9.2		18	0.75	0	18.75
D474	ĐINH THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	19/07/2004	XÃ HOÀ XÁ, HÀ NỘI	8.3				8.7		17	0.25	0	17.25
D475	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	19/09/2007	ỨNG THIÊN, HÀ NỘI	8.5		8.7				17.2	0.25	0	17.45
D476	NGUYỄN NHƯ AN	Nam	14/06/2007	TRUNG TRẠCH, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH	7.6	6.9					14.5	0.5	0	15
D477	NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG	Nữ	29/10/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.9	8.3					16.2	0.25	0	16.45
D478	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	29/09/2007	XÃ XÍCH THỔ, HUYỆN NHO QUAN, NINH BÌNH			7.8	7.8			15.6	0.75	0	16.35
D479	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	12/12/2002	XÃ THIẾU HOÁ, THANH HOÁ				5.9	6.5		12.4	0.5	0	12.9
D480	ĐỖ HẢI DƯƠNG	Nam	14/01/2007	THANH THUỶ, THANH HÀ, HẢI DƯƠNG	7.7	7.3					15	0.5	0	15.5
D481	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	17/09/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8					8.8	16.8	0.25	0	17.05
D482	TẠ ANH THƯ	Nữ	14/08/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8				8.5	16.5	0.25	0	16.75
D483	LÊ PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	06/09/2007	NHÂN BÌNH, NINH BÌNH					8.5	8.2	16.7	0.5	0	17.2
D484	MAI THỊ THUỶ DƯƠNG	Nữ	01/02/2005	CẨM LĨNH, BA VÌ, HÀ NỘI	7.4		8				15.4	0.25	0	15.65
D485	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/10/2007	PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.4	8.9		18.3	0.25	0	18.55
D486	BÙI XUÂN BÁCH	Nam	01/04/2006	THANH BÌNH THỊNH, ĐỨC THỌ, HÀ TĨNH					9.4	8.8	18.2	0.25	0	18.45
D487	ĐINH THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	14/05/2007	PHƯỜNG TÂY HOA LƯ, NINH BÌNH		7.5	7.8				15.3	0.5	0	15.8
D490	ĐỖ XUÂN TOÀN	Nam	28/12/2007	NẬM TẮM, LAI CHÂU					7.5	8	15.5	0.75	0	16.25
D491	TRỊNH HẢI YẾN	Nữ	01/05/2007	ĐỒNG TÂM, HÒA BÌNH			9.1			9.2	18.3	0.75	0	19.05
D492	DƯƠNG CÔNG LĂNG	Nam	24/09/2006	PHƯỜNG LONG BIÊN, HÀ NỘI	7.3			8.6			15.9	0	0	15.9

D493	VŨ KHÁNH HUYỀN	Nữ	22/12/2007	HUYỆN MÈO VẠC, HÀ GIANG	7.7	7.7					15.4	0.75	0	16.15
D494	QUÁCH THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	26/12/2007	HỢP KIM, PHÚ THỌ	9			8.5			17.5	0.75	0	18.25
D495	NGUYỄN NGÂN HÀ	Nữ	17/05/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	8.2				9.1		17.3	0.25	0	17.55
D496	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	30/09/2007	XÃ TU VŨ, HUYỆN THANH THỦY, PHÚ THỌ	6.2	7.4					13.6	0.75	0	14.35
D497	LŨƠNG THỊ OANH	Nữ	01/03/2007	XÃ CHIỀNG BÔM, THUẬN CHÂU, SƠN LA		8		8.5			16.5	0.75	0	17.25
D498	NGUYỄN GIA LINH	Nữ	05/11/2006	XUÂN TRÚC, HƯNG YÊN				9		9.1	18.1	0.5	0	18.6
D499	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/11/2007	ĐÔNG TRIỀU, QUẢNG NINH	8.1	8.1					16.2	0.75	0	16.95
D500	BÙI NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	01/01/2007	KIẾN HƯNG, HÀ NỘI		8.5	8.4				16.9	0	0	16.9
D501	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	02/05/2007	NGUYỄN VĂN LINH, HƯNG YÊN				8.9	8.7		17.6	0.25	0	17.85
D502	VŨ ĐỨC HÙNG	Nam	03/12/2007	PHƯỜNG LÀO CAI, LÀO CAI	6.5	5.7					12.2	0.75	0	12.95
D503	BÙI ÁNH NGUYỆT	Nữ	16/12/2007	HỒNG HÀ, YÊN BÁI				9	8.8		17.8	0.25	0	18.05
D504	CHU THỊ THANH VÂN	Nữ	28/03/2007	IA PA, GIA LAI		6.4	7.1				13.5	0.75	0	14.25
D505	KHUẤT THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	21/12/2007	SEN PHƯƠNG, PHÚC THỌ, HÀ NỘI			8			8.6	16.6	0.25	0	16.85
D506	NGÔ THỊ THU TRANG	Nữ	19/10/2007	ĐÔNG ANH, HÀ NỘI				8.4		8.7	17.1	0.25	0	17.35
D507	NGUYỄN MINH TRANG	Nữ	24/09/2006	TRẦN PHÚ, HÀ NỘI		7.8			9.1		16.9	0.25	0	17.15
D508	PHẠM CAO CƯỜNG	Nam	08/05/2007	PHƯỜNG CẨM PHẢ, QUẢNG NINH	8.5	8.1					16.6	0.25	0	16.85
D509	PHAN ĐĂNG THÀNH	Nam	26/07/2007	THỊ XÃ CỬA LÒ, NGHỆ AN		7.6	7.2				14.8	0.25	0	15.05
D510	NGÔ THÀNH LONG	Nam	10/09/1999	HOÀNG MAI, HÀ NỘI	8.4	5.8					14.2	0	0	14.2

D511	TRẦN THỊ TRANG	Nữ	28/11/2002	XÃ TAM DƯƠNG, PHÚ THỌ	8.1				7.5		15.6	0.5	0	16.1
D512	DƯƠNG THỊ LỰA	Nữ	14/08/2007	THỊ TRẤN LÂM, HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH			8.1			8.2	16.3	0.5	0	16.8
D513	HÀ MỸ DUYÊN	Nữ	26/07/2007	THỊ PHONG SƠN, HUYỆN CẨM THỦY, THANH HÓA	6.4	6.9					13.3	0.75	0	14.05
D514	HÀ THUỖ LINH	Nữ	02/03/2007	MAI SƠN, SƠN LA	6.9	7.4					14.3	0.75	0	15.05
II	Ngành Điều dưỡng và Điều dưỡng Nhật + Đức													
DD1000	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	Nữ	30/06/2007	XÃ HƯƠNG SƠN, HÀ NỘI	8.9	8.3					17.2	0.25	0	17.45
DD1001	CẢNH QUỲNH ANH	Nữ	26/06/2004	TÂN HỘI, ĐÀN PHƯỢNG, HÀ NỘI	7			7.9			14.9	0.25	0	15.15
DD1002	BẠCH NHƯ HOÀNG TRANG	Nữ	17/07/2007	XÃ PHÚC SƠN, HÀ NỘI	9.3			8.9			18.2	0.25	0	18.45
DD1003	HOÀNG THỊ HẠNH	Nữ	15/08/2007	XÃ AN KHÁNH, HÀ NỘI				8.8	8.6		17.4	0.25	0	17.65
DD1004	TRẦN HÀ HẢI HUYỀN	Nữ	26/02/2007	XÃ CHIỀNG HẮC, SƠN LA	6.8	7.2					14	0.75	0	14.75
DD1005	NGUYỄN MAI HẰNG LY	Nữ	22/06/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.2	8.6					17.8	0.25	0	18.05
DD1006	LƯU THỊ OANH	Nữ	22/02/2007	PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI				9.1		8.4	17.5	0.25	0	17.75
DD1007	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	09/11/2006	SONG PHƯỢNG, HÀ NỘI				9.3	9.2		18.5	0.25	0	18.75
DD1008	ĐÀO PHƯỢNG ANH	Nữ	18/02/2007	XÃ PHƯỢNG DỰC, HÀ NỘI	8.3					8.4	16.7	0.25	0	16.95
DD1009	LÊ QUỐC HƯNG	Nam	13/03/2007	PHƯỢNG DỰC, HÀ NỘI	8.6	8.6					17.2	0	0	17.2
DD1010	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	04/06/2007	TÂN HOÀ, QUỐC OAI, HÀ NỘI		8.6	8.4				17	0.25	0	17.25
DD1011	PHẠM THỊ THANH BÌNH	Nữ	21/05/2007	AN BÌNH, PHÚ THỌ		8				7.3	15.3	0.75	0	16.05
DD1012	LÊ HÀ TRANG	Nữ	31/10/2007	XÃ ỨNG THIÊN, HÀ NỘI	9					8.2	17.2	0.25	0	17.45

DD1013	PHẠM KHÁNH LY	Nữ	14/11/2003	THANH TRÌ, HÀ NỘI					7.2	7.3	14.5	0.75	0	15.25
DD1014	TRẦN THỊ LAN	Nữ	26/12/2007	XÃ MINH SƠN, THANH HOÁ				7.5		7.6	15.1	0.75	0	15.85
DD1015	HÀ TRUNG DŨNG	Nam	20/06/2007	XÃ HUY THƯỢNG, HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA	6.3	6.3					12.6	0.75	0	13.35
DD1016	PHẠM THỊ HUỆ	Nữ	14/02/2007	BỈM SƠN, THANH HOÁ		7.6			8.3		15.9	0.25	0	16.15
DD1017	NGUYỄN VĂN LÂM	Nam	31/03/2006	DIỄN HỒNG, DIỄN CHÂU, NGHỆ AN	7.7			7.5			15.2	0.5	0	15.7
DD1018	PHẠM TRỌNG TRƯỞNG	Nam	22/03/2007	HOÀNG ĐAN, TAM ĐƯƠNG, VĨNH PHÚC		7.1			6.7		13.8	0.5	0	14.3
DD1019	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	Nữ	06/05/2007	XÃ TÂY PHƯƠNG, HÀ NỘI	6.7	7.8					14.5	0.25	0	14.75
DD1020	TRẦN TỰ HÀO	Nam	28/06/2007	THỊ TRẦN TIÊN ĐIỀN, NGHI XUÂN, HÀ TĨNH	8	7.7					15.7	0.5	0	16.2
DD1021	VŨ THỊ DIỆU LY	Nữ	13/08/2007	HẢI CHÂU, HẢI HẬU, NAM ĐỊNH	8.1	8.1					16.2	0.5	0	16.7
DD1022	PHAN TRỊNH KHANH	Nam	04/06/2006	XUÂN YÊN, NGHI XUÂN, HÀ TĨNH				7.8		7.7	15.5	0.5	0	16
DD1023	TRẦN TIẾN ANH	Nam	11/10/2007	XUÂN HỘI, NGHI XUÂN, HÀ TĨNH				7.7		7.7	15.4	0.5	0	15.9
DD1024	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	28/09/2007	XUÂN PHÚ, NAM ĐỊNH		8.7		8.9			17.6	0.25	0	17.85
DD1025	VŨ DUY MẠNH	Nam	16/04/2007	ỨNG THIÊN, HÀ NỘI					8.5	8.6	17.1	0.25	0	17.35
DD1026	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	14/05/2007	ĐỘI BÌNH, TUYÊN QUANG	6.8	7.4					14.2	0.75	0	14.95
DD1027	CAO TRUNG KIÊN	Nam	20/02/2006	ĐỨC THẮNG, HÀ NỘI	7.9	7.8					15.7	0	0	15.7
DD1028	TẠ PHƯƠNG LY	Nữ	08/01/2006	XÃ QUẢNG BỊ, HÀ NỘI	8.3	8.3					16.6	0.25	0	16.85
DD1029	VŨ KHÁNH LY	Nữ	23/09/2007	VỤ QUANG, ĐOAN HÙNG, PHÚ THỌ		6.7	6.7				13.4	0.75	0	14.15
DD1030	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	21/07/2007	LIÊN HÀ, ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI		8.3				8.6	16.9	0.25	0	17.15

DD1031	NGUYỄN QUÝ CƯỜNG	Nam	02/11/2007	XÃ DÂN HOÀ, HÀ NỘI			6.9			7.5	14.4	0.25	0	14.65
DD1032	NGUYỄN TÍN HUY	Nam	08/06/2007	HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.4	9.1		18.5	0.25	0	18.75
DD1033	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	15/11/2005	ĐỒNG TIẾN, ỨNG HOÀ, HÀ NỘI				8.8		8.3	17.1	0.25	0	17.35
DD1034	ĐẶNG HỒNG QUÂN	Nam	18/09/2007	ĐIỀN MỸ, HƯƠNG KHÊ, HÀ TĨNH				6.7		7.4	14.1	0.75	0	14.85
DD1035	NGUYỄN DIỄM HẰNG	Nữ	24/09/2007	XÃ TRƯỜNG THỊNH, HUYỆN ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	8.8					8.4	17.2	0.25	0	17.45
DD1036	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	03/04/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					9.2	9.3	18.5	0	0	18.5
DD1037	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	28/12/2007	YÊN LẠC, VĨNH PHÚC		7.8	7.9				15.7	0.5	0	16.2
DD1038	NGUYỄN TRỌNG CHIẾN	Nam	13/08/2007	XÃ THỊNH THÀNH, HUYỆN YÊN THÀNH, NGHỆ AN	8.3				8.3		16.6	0.75	0	17.35
DD1039	VŨ LAN ANH	Nữ	06/07/2007	QUẤT ĐỘNG, HÀ NỘI	7.7	7.6					15.3	0.25	0	15.55
DD1040	ĐẶNG LÊ MINH PHƯƠNG	Nữ	17/06/2007	HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	8	8.4					16.4	0.25	0	16.65
DD1041	LÊ THỊ TRÀ MY	Nữ	22/02/2007	THANH OAI, HÀ NỘI	8.7	8.7					17.4	0.25	0	17.65
DD1042	ĐẶNG THỊ THU HƯỜNG	Nữ	09/05/2006	VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	7.4		8				15.4	0.25	0	15.65
DD1043	ĐINH THỊ QUYẾN	Nữ	03/03/2007	XÃ HOÀ XÁ, HÀ NỘI	9.5	7.7					17.2	0.25	0	17.45
DD1044	BẠCH GIA BẢO	Nam	09/09/2007	PHÚC LA, HÀ NỘI	9.1				9.2		18.3	0	0	18.3
DD1045	VƯƠNG SAN SAN	Nữ	10/09/2005	XÃ XUÂN MAI, HÀ NỘI			8.2			8.3	16.5	0.25	0	16.75
DD1046	NGUYỄN THỊ VI	Nữ	01/09/2007	XÃ BÍCH HÀO, NGHỆ AN		9	9.1				18.1	0.5	0	18.6
DD1047	MAI THANH THẢO	Nữ	31/08/2007	TIÊU SƠN, TAM SƠN, BẮC NINH	6.7	6.6					13.3	0.25	0	13.55
DD1048	VŨ ĐỨC HIẾU	Nam	30/03/2007	THỊ TRẦN QUẤT LÂM, GIAO THUỶ, NAM ĐỊNH	8			7.5			15.5	0.5	0	16

DD1049	TRẦN THỊ ANH THƯ	Nữ	29/09/2007	XÃ HỒNG SƠN, HÀ NỘI	8.9	9.3					18.2	0.25	0	18.45
DD1050	ĐỖ NGUYỄN MINH THUỖ	Nữ	06/09/2007	XÃ TẠO ĐƯƠNG VÂN, HUYỆN ỨNG HOÀ, HÀ NỘI		7.3		9.1			16.4	0.25	0	16.65
DD1051	DOÃN THỊ YẾN	Nữ	12/01/2007	SONG PHƯƠNG, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		8	9				17	0.25	0	17.25
DD1052	VŨ PHƯƠNG TRÂM	Nữ	28/11/2005	QUỖNH VINH/HOÀNG MAI, NGHỆ AN				7.9		8.7	16.6	0.25	0	16.85
DD1053	ĐÀO TÂM LAN	Nữ	19/08/2007	PHƯỜNG VÂN SƠN, SƠN LA		6.4				7.1	13.5	0.75	0	14.25
DD1054	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	31/05/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		9.2				8.7	17.9	0.25	0	18.15
DD1055	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	10/02/2007	KIẾN HƯNG, HÀ NỘI	9					9.4	18.4	0	0	18.4
DD1056	VÌ VĂN DŨNG	Nam	07/06/2006	PHIÊNG KHOÀI, SƠN LA	6.7			7.4			14.1	0.75	0	14.85
DD1057	NGUYỄN HỒNG MINH	Nữ	02/01/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.2	9.6					17.8	0.25	0	18.05
DD1058	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	11/09/2007	XÃ HÓA THƯỢNG, THÁI NGUYÊN				8.4	8.7		17.1	0.75	0	17.85
DD1059	NGUYỄN VŨ HUYỀN NHI	Nữ	04/05/2007	PHƯỜNG QUANG HẠNH, QUẢNG NINH	7.6					9	16.6	0.25	0	16.85
DD1060	PHAN ANH THƠ	Nữ	20/05/2007	THẠCH THẮT, HÀ NỘI	8.1	8					16.1	0.25	0	16.35
DD1061	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	23/12/2007	ĐÚ SÁNG, HÒA BÌNH	8.5	8					16.5	0.75	0	17.25
DD1062	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HÀ	Nữ	21/03/2006	TAM HƯNG, HÀ NỘI				9		9.3	18.3	0.25	0	18.55
DD1063	PHẠM THỊ QUỖNH	Nữ	24/12/1995	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		6.2		6.3			12.5	0	0	12.5
DD1064	TRẦN HOÀNG MINH	Nam	22/05/2007	XÃ NAM PHÙ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	7.9		7.5				15.4	0.25	0	15.65
DD681	NGUYỄN KHÁNH BẢO AN	Nữ	21/09/2007	HOÀN KIẾM, HÀ NỘI	6.7			7.6			14.3	0	0	14.3
DD682	ĐỖ THỊ NHƯ Ý	Nữ	11/05/2007	XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	8.1			8			16.1	0.5	0	16.6

DD683	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	28/02/2007	KIẾN HƯNG, HÀ NỘI	7.2				8		15.2	0	0	15.2
DD684	NGUYỄN THIÊN NGHỊ	Nam	09/09/2006	THANH XUÂN BẮC, HÀ NỘI				9.4		9.4	18.8	0	0	18.8
DD685	TRỊNH HOÀNG VIỆT	Nam	03/03/2007	THỊ TRẤN VŨ BẮC, LẠC SƠN, HÀ BÌNH				7.9		7.6	15.5	0.75	0	16.25
DD686	NGUYỄN NGÔ QUỲNH NHƯ	Nữ	06/12/2007	XÃ CHIỀNG BAN, SƠN LA	5.6	6.2					11.8	0.75	0	12.55
DD687	PHẠM NGỌC HẢI	Nam	21/09/2007	XÃ CHÂN MỘNG, PHÚ THỌ		6.1		7			13.1	0.75	0	13.85
DD688	TRẦN THỊ KHÁNH LY	Nữ	19/12/2007	XÃ ĐIỀN XÁ, HUYỆN NAM TRỰC, NAM ĐỊNH	7.4					7.8	15.2	0.5	0	15.7
DD689	CHU HỒNG DUNG	Nữ	24/09/2004	THANH OAI, HÀ NỘI	8.4	7.3					15.7	0.25	0	15.95
DD690	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	20/10/2007	XÃ PHÚC LÂM, HÀ NỘI	8.6	7.7					16.3	0.25	0	16.55
DD691	PHẠM THUỶ DƯƠNG	Nữ	29/08/2007	THỊ TRẤN MẠC A, HUYỆN VĂN YÊN, YÊN BÁI	7.9			7.8			15.7	0.75	0	16.45
DD692	NGUYỄN VĂN TUẤN ĐẠT	Nam	15/11/2007	XÃ ỨNG THIÊN, HÀ NỘI				9	8.9		17.9	0.5	0	18.4
DD693	SÈN THỊ CHANG	Nữ	01/04/2007	XÃ VĨNH PHÚC, HUYỆN BẮC QUANG, HÀ GIANG	7	8.7					15.7	0.75	0	16.45
DD694	NGUYỄN MAI TRANG	Nữ	04/12/2007	HÒA PHÚ, HÀ NỘI	8.2	8.4					16.6	0.25	0	16.85
DD695	TRƯƠNG LA THUỶ LINH	Nữ	11/11/2007	XÃ VŨ QUANG, HÀ TĨNH	7.5	8					15.5	0.5	0	16
DD696	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	Nam	06/09/2006	HOÀNG MAI, HÀ NỘI				9.7	9.2		18.9	0	0	18.9
DD697	PHẠM THANH TÚ	Nữ	17/01/2007	TƯỞNG MAI, HÀ NỘI				9.1	9.1		18.2	0	0	18.2
DD698	NGUYỄN THANH SƠN	Nam	29/12/2007	KHÁNH HÀ, THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	7.5	8.2					15.7	0.25	0	15.95
DD699	TRẦN VĂN QUYỀN	Nam	12/11/2007	XÃ ĐÔNG AN, HUYỆN VĂN YÊN, YÊN BÁI			7.2		7.6		14.8	0.75	0	15.55
DD700	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	02/12/2007	XÃ SÔNG MÃ, SƠN LA	8				8.2		16.2	0.75	0	16.95

DD701	VŨ THỊ THU HUYỀN	Nữ	07/04/2007	SƠN CÔNG, HÀ NỘI	8.5	8.6					17.1	0.25	0	17.35
DD702	TRƯƠNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	12/11/2007	XÃ ĐỊNH HOÁ, THÁI NGUYÊN		8.3				8.2	16.5	0.75	0	17.25
DD703	BẾ THỊ TRANG	Nữ	29/11/2007	XÃ KIỀU PHÚ, HÀ NỘI				8.2		8.6	16.8	0.25	0	17.05
DD704	LÊ THỊ THUỶ DUNG	Nữ	17/09/2007	HOÀ PHÚ, HÀ NỘI	7.9	8.1					16	0.25	0	16.25
DD705	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/12/2007	PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.4	9.3		18.7	0.25	0	18.95
DD706	NGUYỄN THỊ THÁI AN	Nữ	06/06/2007	CHIỀNG KHOONG, SƠN LA					8.9	7.1	16	0.75	0	16.75
DD707	HOÀNG THỊ VÂN	Nữ	26/11/2007	XÃ HỒNG MINH, HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI		8.4	8.1				16.5	0.25	0	16.75
DD708	BÙI NHƯ THẾ DŨNG	Nam	01/01/2007	DƯƠNG XÁ, GIA LÂM, HÀ NỘI				8.4	7.7		16.1	0.25	0	16.35
DD709	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	20/01/2004	CẨM THẠCH, THANH HOÁ		7.5		8.2			15.7	0.75	0	16.45
DD710	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	16/05/2007	XÃ HỒNG SƠN, HÀ NỘI	8.8	8.1					16.9	0.25	0	17.15
DD711	CHU THỊ ANH THƯ	Nữ	09/03/2007	LỤC NGẠN, BẮC GIANG	7.4		8.7				16.1	0.75	0	16.85
DD713	BÙI CAO BẢO TRUNG	Nam	28/09/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.5	8.4					16.9	0	0	16.9
DD714	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	Nữ	08/12/2007	XÃ ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	8	8.5					16.5	0.25	0	16.75
DD715	QUÀNG THỊ THU TRANG	Nữ	17/10/2007	BAN PỘC TON XA MƯỜNG KHIÊNG HUYỆN THUẬN CHÂU				8.7	7.7		16.4	0.75	0	17.15
DD716	NGUYỄN LƯU DANH	Nam	10/01/2007	LONG BIÊN, HÀ NỘI			8.4			8.3	16.7	0	0	16.7
DD717	NHỮ ANH TUYẾT	Nữ	18/11/2007	XÃ HOÀNG ĐỒNG, LẠNG SƠN	6.6	7.4					14	0.75	0	14.75
DD718	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	25/11/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI		8.8			8.3		17.1	0.25	0	17.35
DD719	PHAN QUỐC HUY	Nam	02/08/2007	XÃ LỰC HÀNH, TUYÊN QUANG		5.7	5.7				11.4	0.75	0	12.15

DD720	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	08/10/2007	BÍCH HOÀ / THANH OAI, HÀ NỘI	7.9			9			16.9	0.25	0	17.15
DD721	THIỆU VIỆT HÙNG	Nam	28/07/2007	17/11/31/59 PHẠM VĂN ĐỒNG, HƯNG ĐẠO, HẢI PHÒNG	7.5			7.6			15.1	0	0	15.1
DD722	NGUYỄN THUỖ NHƯ	Nữ	08/10/2007	PHÚ NGHĨA, CHƯƠng MỸ, HÀ NỘI	8.6	8.8					17.4	0.25	0	17.65
DD723	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	14/04/2007	YÊN THẾ, BẮC NINH		7.8			8.1		15.9	0.75	0	16.65
DD724	HỒ THỊ HOÀI PHƯƠNG	Nữ	15/09/2007	QUỲNH LƯU, NGHỆ AN		7.2	8				15.2	0.5	0	15.7
DD725	TRẦN ĐỨC PHÚC	Nam	30/05/2007	THÀNH PHỐ PHỦ LÝ, HÀ NAM		6.3		8.2			14.5	0.25	0	14.75
DD726	LÊ HỒNG HẠNH	Nữ	04/02/2007	XÃ TÂN CHÁO, HUYỆN KHOÁI CHÂU, HƯNG YÊN				7.9		7.9	15.8	0.5	0	16.3
DD727	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	11/07/2007	PHÚ CÁT, HÀ NỘI		8.1	7.5				15.6	0.25	0	15.85
DD728	NGUYỄN BÙI DIỆU THẢO	Nữ	29/11/2007	LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH	5.8	7.9					13.7	0.75	0	14.45
DD729	CẦM LONG NHẬT	Nam	25/06/2006	XÃ QUANG HUY, HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA				7.9	7.8		15.7	0.75	0	16.45
DD730	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	30/06/2007	BÍCH HOÀ, THANH OAI, HÀ NỘI					8.4	8.6	17	0.25	0	17.25
DD731	HOÀNG THỊ THẨM	Nữ	17/03/2007	KIM CHUNG, HƯNG HÀ, THÁI BÌNH					8.3	8	16.3	0.5	0	16.8
DD732	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	29/08/2007	PHƯƠNG NGUYỄN THÁI HỌC, THÀNH PHỐ YÊN BÁI, YÊN BÁI		7.5		7.7			15.2	0.75	0	15.95
DD733	TRẦN THỊ NGỌC THỊ	Nữ	22/12/2007	XÃ PHÚC SƠN, HÀ NỘI	9.2	9.3					18.5	0.25	0	18.75
DD734	LÊ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	03/05/2007	VĂN KHÊ, MÊ LINH, HÀ NỘI	9			8.8			17.8	0.25	0	18.05
DD735	PHÙNG THỊ ANH THƯ	Nữ	18/09/2007	PHƯƠNG ĐÔNG MẠI, QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.7					8.8	16.5	0	0	16.5
DD736	PHẠM NGỌC PHÚC	Nam	22/08/2007	XÃ QUANG HUY, HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA		6.7			6.4		13.1	0.75	0	13.85
DD737	NGUYỄN HỮU ANH ĐỨC	Nam	27/02/2007	XÃ BÌNH MINH, HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.4					8.8	17.2	0.25	0	17.45

DD738	PHAN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	16/02/2007	XÃ QUẤT ĐỘNG, HÀ NỘI	8.7	8.1					16.8	0.25	0	17.05
DD739	ĐINH GIA BẢO	Nam	20/07/2007	BA HÀNG ĐỒI, LẠC THỦY, HÒA BÌNH					7.1	7.1	14.2	0.75	0	14.95
DD742	DOÃN LÊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	20/09/2007	XÃ HUÂN SƠN, HUYỆN GIAO THỦY, NAM ĐỊNH		8.4		9			17.4	0.5	0	17.9
DD743	BÙI ĐỨC QUANG	Nam	31/12/2007	LẠC THỊNH, YÊN THỦY, HÒA BÌNH				6.8	6.5		13.3	0.75	0	14.05
DD744	DƯƠNG MINH HIẾU	Nam	24/01/2007	LẠC THỊNH, YÊN THỦY, HÒA BÌNH		6.3				6.3	12.6	0.75	0	13.35
DD745	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	Nữ	13/10/2007	DI TRẠCH, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9	9		18	0	0	18
DD746	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	13/07/2007	QUỲNH SƠN, NGHỆ AN	7.6	9.6					17.2	0.75	0	17.95
DD747	HOÀNG XUÂN DIỆP	Nữ	05/11/2007	XÃ THỌ AN, HUYỆN ĐAN PHƯƠNG, HÀ NỘI	8.5	8.1					16.6	0.25	0	16.85
DD748	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	08/10/2007	THỊ TRẦN QUỐC OAI, HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.7				9.6		18.3	0.25	0	18.55
DD749	NHI TÚN (TEST)	Nữ	12/07/2025	HÂJANAMAKA, HÀ NỘI	10	10					20	0.75	0	20.75
DD750	LÊ HOÀNG QUANG HUY	Nam	10/09/2006	PHƯƠNG TRUNG, THANH OAI, HÀ NỘI		8.1				8	16.1	0.25	0	16.35
DD751	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nữ	06/03/2007	LA KHÊ, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.9	7.6					15.5	0	0	15.5
DD752	BÙI MINH TUẤN	Nam	19/05/2007	PHÚ NGHĨA, LẠC THỦY, HÒA BÌNH	6.8		6.4				13.2	0.75	0	13.95
DD753	KIỀU THỊ PHƯƠNG NGÀ	Nữ	17/03/2007	ĐÔNG YÊN, QUỐC OAI, HÀ NỘI	6.2	6.5					12.7	0.25	0	12.95
DD754	ĐINH THỊ XUÂN MAI	Nữ	12/06/2007	THANH SƠN, KIM BẢNG, HÀ NAM		8		7.8			15.8	0.5	0	16.3
DD755	CHU THẾ HOÀNG	Nam	17/10/2007	XÃ XUÂN CHÁU, HUYỆN XUÂN TRƯỞNG, NAM ĐỊNH					9.4	9.6	19	0.25	0	19.25
DD756	TẠ THỊ THUY	Nữ	02/10/1992	PHƯỜNG YÊN SƠ, QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI			7.1	7.2			14.3	0.25	0	14.55
DD757	HOÀNG THỊ THANH XUÂN	Nữ	20/03/2007	THỊ TRẦN NÚ LIÊN SƠN, HUYỆN VĂN CHẤN, YÊN BÁI	7.3	8.2					15.5	0.75	0	16.25

DD758	PHÙNG THỊ TON	Nữ	19/06/2007	MỎ VÀNG, YÊN BÁI		6.4		7.1			13.5	0.75	0	14.25
DD759	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	26/08/2007	PHƯỜNG ĐẠI MỖ, HÀ NỘI		8.9	8.9				17.8	0.25	0	18.05
DD760	BÙI THỊ THANH HUYỀN	Nữ	20/02/2007	THANH OAI, HÀ NỘI	8.2	8.4					16.6	0.25	0	16.85
DD761	PHẠM THỊ THẢO	Nữ	03/10/2007	XÃ CHIỀNG KHUÔNG BẢN SAI SÔNG MÃ, SƠN LA		8		8			16	0.75	0	16.75
DD762	NGÔ ĐỨC MINH NHẬT	Nam	16/03/2007	PHƯỜNG TÂN BÌNH, TP HẢI DƯƠNG, TỈNH HÀ DƯƠNG - HÀ DƯƠNG			8.1	8.2			16.3	0.25	0	16.55
DD763	KIỀU HẠ SƠN HƯƠNG	Nữ	17/09/2006	XÃ TIỀN YÊN, HÀ NỘI		7.5		7.8			15.3	0.25	0	15.55
DD764	PHẠM THỊ TUYẾT TRANG	Nữ	02/03/2007	XÃ QUANG HƯNG, HƯNG YÊN	8.1	8.1					16.2	0.5	0	16.7
DD765	NGÔ PHƯƠNG LINH	Nữ	19/10/2007	XÃ PHƯƠNG DỤC, HÀ NỘI	9.1	8.4					17.5	0.25	0	17.75
DD766	LÊ CÔNG MINH	Nam	03/09/2007	XÃ DÂN HOÀ, HÀ NỘI			9		8.8		17.8	0.25	0	18.05
DD767	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	03/07/2007	PHÙ YÊN, SƠN LA					7.6	6.6	14.2	0.75	0	14.95
DD768	PHAN VIỆT ANH	Nam	05/07/2007	GIAO THỦY, NINH BÌNH	7.8	8.5					16.3	0.5	0	16.8
DD769	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	08/09/2007	XÃ XUÂN TÂN, NAM ĐỊNH		8.4		9			17.4	0.5	0	17.9
DD770	NGUYỄN VŨ SƠN TÙNG	Nam	07/12/2007	PHƯỜNG PHU LA, QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			8.3			9	17.3	0	0	17.3
DD771	LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	22/02/2007	KIẾN HƯNG, HÀ NỘI	9.3	9.4					18.7	0	0	18.7
DD772	ĐỖ THUỖ LINH	Nữ	19/07/2007	AN SINH, QUẢNG NINH		8.2		8.9			17.1	0.25	0	17.35
DD773	ĐẶNG THỊ TRÀ MY	Nữ	04/06/2007	XÃ ĐẠI YÊN, HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.7	8.1					16.8	0.75	0	17.55
DD774	HOÀNG THỊ HỒNG VÂN	Nữ	26/10/2007	XÃ VĂN GIANG, HƯNG YÊN	7.7	7.6					15.3	0.5	0	15.8
DD775	NGUYỄN VĂN TIẾN	Nam	01/01/2007	XÃ VĨNH LINH, QUẢNG TRỊ				8.5		8.2	16.7	0.5	0	17.2

DD776	TRẦN THỊ MAI	Nữ	19/02/2007	XÃ QUẢNG HỢP, HUYỆN QUẢNG	6.7	7.8					14.5	0.5	0	15
DD777	ĐỖ TIẾN TRỌNG	Nam	28/11/2007	XƯỜNG THANH HOÁ, VĂN QUÁN, HÀ DÔNG, HÀ NỘI		7.2		8			15.2	0.25	0	15.45
DD778	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	25/09/2007	AN KHÁNH, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.1	9.3		18.4	0.25	0	18.65
DD779	TRẦN BÍCH HOÀI	Nữ	22/03/2000	KIM PHÚ, YÊN SƠN, TUYÊN QUANG		6	5.6				11.6	0.75	0	12.35
DD780	TRẦN NGUYỄN CHÂU GIANG	Nữ	15/08/2007	HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH		8.4	7.2				15.6	0.75	0	16.35
DD781	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	25/02/2007	SÀI SƠN, HÀ NỘI	8.5	8.1					16.6	0.25	0	16.85
DD782	PHẠM NGỌC BẢO	Nam	26/10/2007	XÃ TAM HỒNG, PHÚ THỌ				8.2	8.1		16.3	0.5	0	16.8
DD783	NGUYỄN THỊ THUỶ CHÂM	Nữ	17/06/2007	THANH CAO, LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH		8.2	7.8				16	0.75	0	16.75
DD784	HÀ HOÀNG HẢI ĐĂNG	Nam	17/07/2007	VĂN CHẤN, LÀO CAI	6.3					7.3	13.6	0.75	0	14.35
DD785	TẠ NGỌC MY	Nữ	29/08/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.1	7.7					15.8	0.25	0	16.05
DD786	NGUYỄN THẢO VÂN	Nữ	24/07/2007	XÃ TAM HƯNG, HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	9	8.1					17.1	0.25	0	17.35
DD787	TẠ THỊ DIỆU LINH	Nữ	15/07/2007	XÃ MINH TÂN, HUYỆN HƯNG HÀ, THÁI BÌNH	8.4				8		16.4	0.5	0	16.9
DD788	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	Nữ	07/10/2007	XÃ BÌNH MINH, HÀ NỘI		8		9.2			17.2	0.25	0	17.45
DD789	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	25/04/2007	XÃ BÌNH MINH, HÀ NỘI		8.3			8.7		17	0.25	0	17.25
DD790	NGUYỄN KHÁNH HẰNG	Nữ	07/09/2007	TRẦN PHÚ, HÀ NỘI		9.1	9.2				18.3	0.25	0	18.55
DD791	NGUYỄN THỊ HÀ MY	Nữ	19/11/2007	THỊ TRẦN QUỐC OAI, HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI			7.5			7.8	15.3	0.25	0	15.55
DD792	HOÀNG LƯƠNG HOẠT	Nam	13/09/2007	XÃ HOÀNG TÙNG, HUYỆN HOÀ AN, CAO BẰNG	6.6	7.5					14.1	0.75	0	14.85
DD793	VŨ ĐỨC LONG THÀNH	Nam	04/12/2007	THỊ XÃ LAI CHÂU, LAI CHÂU				7.8	8.5		16.3	0.75	0	17.05

DD794	VŨ LÊ DŨNG	Nam	12/05/2007	PHƯỜNG LÀO CAI, LÀO CAI	6			6.1			12.1	0.25	0	12.35
DD795	LÝ TRÀ GIANG	Nữ	09/10/2007	XÃ LẠC ĐẠO, HƯNG YÊN				9	8.2		17.2	0.75	0	17.95
DD796	TRƯƠNG ANH KHOA	Nam	05/01/2006	NGHĨA ĐỒNG, NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH	6.4					7.5	13.9	0	0	13.9
DD797	NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG	Nữ	05/07/2007	XÃ THANH CAO, HÀ NỘI	7.5	8					15.5	0.25	0	15.75
DD798	VĂN THỊ ANH	Nữ	13/09/2007	YÊN NGHĨA, HÀ NỘI	8	8.6					16.6	0.25	0	16.85
DD799	ĐỖ THỊ HẢO	Nữ	09/06/2000	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.2	8.8					17	0.25	0	17.25
DD800	ĐÀM THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	08/12/2007	LIÊN MINH, HÀ NỘI			8.9	8.7			17.6	0.25	0	17.85
DD801	TRẦN NHẬT CHI	Nữ	04/03/2007	THÀNH PHỐ BẮC KẠN, BẮC KẠN			6.8		7		13.8	0.75	0	14.55
DD802	LƯU NGỌC NHI	Nữ	20/09/2007	HỮU HOÀ, THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.1					8.7	16.8	0	0	16.8
DD803	PHẠM DUY KHÁNH	Nam	27/07/2007	PHƯỜNG QUYẾT THẮNG, SƠN LA	7.9				8		15.9	0.75	0	16.65
DD804	PHÙNG THỊ KIỀU TRANG	Nữ	18/12/2007	VẬT LẠI, BA VÌ, HÀ NỘI	9.3	8.5					17.8	0.25	0	18.05
DD805	ĐOÀN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	29/06/2007	XÃ TA THANH OAI, HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		9.3		9.3			18.6	0.25	0	18.85
DD806	PHAN XUÂN NAM	Nam	13/04/2007	TRẠCH, HUYỆN BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH	8.7				8.7		17.4	0.5	0	17.9
DD807	LÊ ANH TÚ	Nam	13/11/2007	YÊN THẮNG Ý YÊN NAM ĐỊNH, NAM ĐỊNH				8.5	8.5		17	0.75	0	17.75
DD808	LÊ QUANG MINH	Nam	10/02/2007	XÃ KIM ĐƯƠNG, HUYỆN ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	9		9.4				18.4	0	0	18.4
DD809	ĐẶNG PHƯƠNG NAM	Nữ	29/08/2007	CẦN KIỂM, THẠCH THẤT, HÀ NỘI					8.4	8.6	17	0.25	0	17.25
DD810	LỘ THỊ TRÀ GIANG	Nữ	27/05/2007	XÃ VĂN LANG, HUYỆN HƯNG HÀ, THÁI BÌNH	7.5	8					15.5	0.5	0	16
DD811	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	21/11/2007	SONG PHƯƠNG, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	7.6					8.4	16	0.25	0	16.25

DD812	TRẦN THỊ TƯỜNG VI	Nữ	14/12/2006	QUẢNG NHAM, QUẢNG XƯƠNG, THANH HOÁ			8.2	7.9			16.1	0.75	0	16.85
DD813	PHẠM HỒNG HẠNH	Nữ	14/02/2006	PHƯỜNG NOONG BUA, ĐIỆN BIÊN		7.2				7.3	14.5	0.75	0	15.25
DD814	HOÀNG THỊ BÍCH DOAN	Nữ	04/12/2007	XÃ KHÁNH HÒA, HUYỆN LỤC YÊN, YÊN BÁI				8.8	8.2		17	0.75	0	17.75
DD815	ĐÀO NGỌC ĐỨC	Nam	16/07/2007	XÃ THỌ AN, HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI				8.2		8.3	16.5	0.25	0	16.75
DD816	TRIỆU CHÍ TRUNG	Nam	22/12/2007	PHÙ YÊN, SƠN LA	6.1		7.6				13.7	0.75	0	14.45
DD817	NGUYỄN BÍCH LIÊN	Nữ	04/12/2007	HƯƠNG SƠN, HÀ NỘI		8.1			9.1		17.2	0.75	0	17.95
DD818	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	Nam	05/04/2007	HẠ BẮNG, THẠCH THẤT, HÀ NỘI				9.2	9.2		18.4	0.25	0	18.65
DD819	TRẦN HOÀNG HIỆP	Nam	06/04/2007	PHƯỜNG QUYẾT THẮNG, SƠN LA	7.4	6.9					14.3	0.75	0	15.05
DD820	NGUYỄN NGUYỆT ANH	Nữ	09/01/2007	AN KHÁNH, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		8.1	8.4				16.5	0.25	0	16.75
DD821	NGUYỄN DUY TIẾN	Nam	13/09/2007	XÃ VINH QUYNH, HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI				9.3	9.4		18.7	0.25	0	18.95
DD822	HÀ THUỖ DƯƠNG	Nữ	18/07/2007	PHƯỜNG HỢP MINH, TP YÊN BÁI, YÊN BÁI		6.7		8.3			15	0.75	0	15.75
DD823	TRẦN NGUYỄN LINH CHI	Nữ	30/06/2007	PHƯỜNG NGUYỄN QUYNH, TP BẮC GIANG, BẮC GIANG	7.3	7.3					14.6	0.25	0	14.85
DD824	ĐINH THỊ DUYÊN	Nữ	25/02/2007	XÃ HOÀ XÁ, HÀ NỘI	9.1				9.3		18.4	0.25	0	18.65
DD826	NGUYỄN MINH TÚ	Nữ	23/09/2007	TỪ LIÊM, HÀ NỘI		7.8		9.2			17	0	0	17
DD827	TRẦN THU HUYỀN	Nữ	09/01/2007	XÃ HÒA XÁ, HÀ NỘI	8.6	8.3					16.9	0.25	0	17.15
DD828	NGUYỄN ĐẶNG CHÍ PHONG	Nam	11/11/2007	XÃ ĐÔNG PHƯƠNG YÊN, HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9		9.2	18.2	0.25	0	18.45
DD829	TRẦN THỊ NGỌC PHƯƠNG	Nữ	09/01/2007	GIA THỦY, NINH BÌNH	7	8					15	0	0	15
DD830	DƯƠNG THỊ CHÂM ANH	Nữ	14/03/2007	PHÚ LƯƠNG, HÀ NỘI		8.8		8.9			17.7	0	0	17.7

DD831	LÊ ĐÌNH KHẢI	Nam	18/04/2007	ĐOAN HÙNG, THÁI BÌNH	8.8				8.7		17.5	0.5	0	18
DD832	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	18/04/2007	HỢP TIẾN- MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8			8.1			16.1	0.25	0	16.35
DD833	BÙI THỊ TRÀ MY	Nữ	03/05/2007	YÊN CHÂU, SƠN LA			7.9			8	15.9	0.75	0	16.65
DD834	ĐỖ HỮU MINH	Nam	10/08/2006	XÃ TÂY PHƯƠNG, HÀ NỘI	7.6				8.7		16.3	0.25	0	16.55
DD835	NGUYỄN KIM ANH	Nữ	02/10/2006	DOANH PHONG, NINH BÌNH		9.2				8.4	17.6	0.5	0	18.1
DD836	NGUYỄN ÁNH THU	Nữ	14/02/2007	PHIÊNG KHOÀI, SƠN LA			8.1			7.8	15.9	0.75	0	16.65
DD837	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	07/03/2007	MINH TÂN, THÁI BÌNH		8.1				8.5	16.6	0.75	0	17.35
DD838	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	24/09/2007	THANH TRÌ, HÀ NỘI		8.1			8.1		16.2	0.25	0	16.45
DD839	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	15/11/2007	NAM PHƯƠNG TIẾN, HÀ NỘI	8.2		8.3				16.5	0.25	0	16.75
DD840	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	24/02/2007	XÍCH THỔ, NINH BÌNH	7.2				8		15.2	0.75	0	15.95
DD841	KHUẤT THỊ KHÁNH LINH	Nữ	26/09/2007	THẠCH THẮT, HÀ NỘI	8.4	8.1					16.5	0.25	0	16.75
DD842	TRẦN MẠNH ĐỨC	Nam	11/08/2007	GIA THUỶ, NINH BÌNH					7.3	7.3	14.6	0.75	0	15.35
DD843	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	20/12/2007	THANH OAI, HÀ NỘI					8.1	8.3	16.4	0.25	0	16.65
DD844	CAO THỊ KIM CHI	Nữ	11/11/2007	HÒA XÁ, HÀ NỘI	8	8.7					16.7	0.25	0	16.95
DD845	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	21/08/2006	THỰC LUYỆN, THANH SƠN, PHÚ THỌ					8.6	8.9	17.5	0.25	0	17.75
DD846	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	17/10/2007	LÊ LỢI, THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			8.4			8.5	16.9	0.25	0	17.15
DD847	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	27/12/2007	XÃ TRẦN PHÚ, HẢI PHÒNG	8.3					8.5	16.8	0	0	16.8
DD848	LÊ THỊ HIỀN	Nữ	09/01/2002	TỐT ĐỘNG, HÀ NỘI		7.6		7.8			15.4	0.25	0	15.65

DD849	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	Nữ	14/11/2007	XÃ HOÀ PHÚ, PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		9.4	9.5				18.9	0.25	0	19.15
DD850	HOÀNG THỊ HẠNH	Nữ	05/02/2007	PHÚ CÁT, HÀ NỘI	9.1				9.2		18.3	0.25	0	18.55
DD851	NGUYỄN MINH THIÊN THƯỢNG	Nam	26/12/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.5		8.7				17.2	0.25	0	17.45
DD852	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂN	Nữ	04/05/2007	XÃ LẠI YÊN, HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	9.3			9.5			18.8	0.25	0	19.05
DD853	LÊ THỊ THUỶ TRANG	Nữ	11/12/2007	XÃ PHƯƠNG TRUNG, HÀ NỘI		8		9			17	0.25	0	17.25
DD854	PHẠM THỊ THU TRANG	Nữ	18/12/2007	PHỦ LÝ, HÀ NAM					8.2	9.2	17.4	0	0	17.4
DD855	NGUYỄN ANH BẢO CHÂU	Nữ	17/03/2005	TỔ 24 NGHĨA ĐÔ, HÀ NỘI					8.4	9.4	17.8	0	0	17.8
DD856	BÙI XUÂN MAI	Nữ	13/02/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	7.1	8.5					15.6	0	0	15.6
DD857	NGUYỄN PHƯƠNG NA	Nữ	24/08/2007	XÃ BA TRẠI, HUYỆN BA VỊ, HÀ NỘI		9		8.5			17.5	0.75	0	18.25
DD858	NGUYỄN THUY CHUNG	Nữ	06/11/2007	MỸ THÀNH, HÀ NỘI	9		8.6				17.6	0.25	0	17.85
DD859	ĐẶNG NGỌC NHI	Nữ	20/06/2007	PHƯỜNG HOÀNG LIỆT, HÀ NỘI	6.4	6.3					12.7	0	0	12.7
DD861	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/05/2007	XÃ DUYÊN HÀ, HÀ NỘI			8.4	8			16.4	0.25	0	16.65
DD862	PHẠM QUỲNH CHI	Nữ	18/08/2007	TRÀNG AN, HÀ NAM		7.6				7.2	14.8	0.5	0	15.3
DD863	CAO THỊ MINH TRANG	Nữ	29/03/2007	XÃ BÍCH HOÀ, HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.2	7.7					15.9	0.25	0	16.15
DD864	KIỀU THỊ THANH NGỌC	Nữ	07/09/2006	THẠCH THẮT, HÀ NỘI	8.3	8.5					16.8	0.25	0	17.05
DD865	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	06/02/2007	XÃ AN KHÁNH, HÀ NỘI	9	8.2					17.2	0.25	0	17.45
DD866	NGUYỄN MINH TRANG	Nữ	30/11/2007	PHƯỜNG DƯƠNG NỘI, HÀ NỘI	9.1			9			18.1	0.25	0	18.35
DD867	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	31/07/2007	XÃ ĐỒNG TIẾN, HÀ NỘI	9	8.8					17.8	0.25	0	18.05

DD868	NGUYỄN THỊ THUỶ TRÂM	Nữ	13/01/2007	XÓM 8, XÃ GIAO LẠC, NAM ĐỊNH		8.3	7.8				16.1	0.75	0	16.85
DD869	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	10/12/2006	PHÚ ĐA-VĨNH TƯỜNG, VĨNH PHÚC				8.2	7.9		16.1	0.5	0	16.6
DD870	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	08/05/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI	6.9	7.3					14.2	0.25	0	14.45
DD875	BÙI THỊ THU HẢO	Nữ	06/10/2007	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	7.7	7.5					15.2	0.25	0	15.45
DD876	LÊ MINH TUẤN	Nam	07/12/2007	PHƯỜNG VANG DẠNH, THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, QUẢNG NINH	8.7				9.2		17.9	0.75	0	18.65
DD879	ĐỖ GIA BẢO	Nam	13/05/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.3	7					15.3	0	0	15.3
DD881	NGÔ KHÁNH LINH	Nữ	24/11/2007	XÃ VŨ QUÝ, HƯNG YÊN			9.1			8.4	17.5	0.5	0	18
DD882	BÙI ANH TUẤN	Nam	28/09/2007	THANH CAO, LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH		7.4	7.4				14.8	0.75	0	15.55
DD883	LƯƠNG HUỆ ANH	Nữ	19/10/2007	XÃ THANH VINH, HUYỆN THẠCH THÀNH, THANH HOÁ	5.5	7.4					12.9	0.25	0	13.15
DD884	VƯƠNG NGỌC HÀ	Nam	11/05/2007	XÃ VĨNH TUY, TUYÊN QUANG				6.7	6.6		13.3	0.75	0	14.05
DD885	PHẠM GIA KHIÊM	Nam	20/05/2006	TIÊN LƯƠNG, CẨM KHÊ, PHÚ THỌ			7.9			7.9	15.8	0.75	0	16.55
DD886	HOÀNG THỊ TRANG ANH	Nữ	20/01/2005	XÃ HOÀ PHÚ, HÀ NỘI				9.1	9		18.1	0.25	0	18.35
DD887	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	04/12/2007	XÃ BÌNH MINH, HÀ NỘI	8	7.3					15.3	0.25	0	15.55
DD888	NGUYỄN ĐỨC KHÁNH NAM	Nam	13/08/2007	THANH HÀ, HẢI DƯƠNG				6.9		6.9	13.8	0.5	0	14.3
DD889	ĐINH THẾ QUYÊN	Nam	22/02/2007	HẢI MINH, NAM ĐỊNH	7.8				7.8		15.6	0.5	0	16.1
DD890	NGUYỄN GIA HIẾU	Nam	27/09/2007	THÀNH SEN, HÀ TĨNH	9.5	9.1					18.6	0.75	0	19.35
DD891	LÊ THÙY LINH	Nữ	14/10/2007	BÌNH MINH, HÀ NỘI	7.4	7.5					14.9	0.25	0	15.15
DD892	BÙI THỊ MẬT	Nữ	24/11/2007	XÃ TÂN LẠC, PHÚ THỌ		7.6	8				15.6	0.75	0	16.35

DD893	NGUYỄN ĐÌNH HUYỀN TRANG	Nữ	07/10/2007	PHỔ YÊN, THÁI NGUYÊN				8.5	8.6		17.1	0.25	0	17.35
DD894	PHÙNG THỊ TRANG	Nữ	31/07/2007	PHÚ CÁT, HÀ NỘI	8.5	8.5					17	0.25	0	17.25
DD895	PHÙNG THỊ MINH PHƯỢNG	Nữ	28/05/2007	XÃ VẬT LẠI, HÀ NỘI					8.1	9	17.1	0.25	0	17.35
DD896	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	03/12/2007	XÃ TIẾN BỘ, TUYẾN QUANG				7.7	8		15.7	0.75	0	16.45
DD897	ĐỖ NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	18/10/2007	XÃ ĐÔNG KẾT, HƯNG YÊN	9.4					9.3	18.7	0.5	0	19.2
DD898	NGUYỄN THỊ HUYỀN LINH	Nữ	23/06/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.4	8.7					17.1	0.25	0	17.35
DD899	ĐÌNH THỊ HÂN	Nữ	09/01/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		9.1		9.3			18.4	0.25	0	18.65
DD900	NGUYỄN TẤT ANH TÀI	Nam	14/12/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8	8.6				16.6	0.25	0	16.85
DD901	ĐÌNH THỊ THU HIỀN	Nữ	18/09/2007	XÃ TẢ THANH OAI, THANH TRÌ, HÀ NỘI	7.2	7.9					15.1	0.25	0	15.35
DD902	TẠ VĂN TRƯỜNG	Nam	06/09/2007	XÃ SÀI SƠN, HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.5			8.1			16.6	0.25	0	16.85
DD903	HÀ NGỌC NAM	Nam	27/02/2007	ĐỒNG HỚI, QUẢNG BÌNH					7.6	8.1	15.7	0.25	0	15.95
DD904	LÝ THUỖ DƯƠNG	Nữ	16/11/2007	PHƯỜNG SÔNG HIỀN, THÀNH PHỐ CAI BẰNG, CAO BẰNG					7.3	7.6	14.9	0.75	0	15.65
DD906	NGUYỄN THỊ THU DUNG	Nữ	19/03/2007	XÃ TỨ HIỆP, HÀ NỘI		9		9.1			18.1	0	0	18.1
DD907	TRƯƠNG THỊ HỒNG	Nữ	27/06/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI					8.7	8.7	17.4	0.25	0	17.65
DD908	BÙI VĂN TUẤN TÚ	Nam	01/11/2007	ĐỒNG TÂM, YÊN BÁI				7.8		7	14.8	0.75	0	15.55
DD909	ĐÌNH HOÀI PHƯƠNG	Nữ	28/01/2007	XÃ PHÚC THỌ, HÀ NỘI	9.3					9.3	18.6	0.25	0	18.85
DD910	ĐẶNG NGUYỄN HƯƠNG LY	Nữ	13/10/2007	PHÚC LÂM, HÀ NỘI	8.5			9.3			17.8	0.25	0	18.05
DD911	TRỊNH PHƯƠNG ANH	Nữ	12/07/2007	KHÂM THIÊN, ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI	7.5	7.7					15.2	0	0	15.2

DD912	ĐỖ THUỖ NGÂN	Nữ	06/05/2007	XÃ TÂY PHƯƠNG, HÀ NỘI		8.3	6.7				15	0.25	0	15.25
DD913	PHÙNG NHẬT HÀO	Nam	13/10/2004	QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.6	7.8					15.4	0.25	0	15.65
DD914	TRẦN KHẢ HẢI ĐĂNG	Nam	22/01/2007	VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	8.2	8					16.2	0.25	0	16.45
DD915	ĐỖ THỊ VÂN ANH	Nữ	20/07/2007	HỢP TIẾN, HÀ NỘI	8.8	8.7					17.5	0.25	0	17.75
DD916	ĐÌNH THỊ NGỌC ANH	Nữ	07/11/2007	KIỆC HƯNG, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.8		9.3				18.1	0	0	18.1
DD917	LÊ THỊ KIM OANH	Nữ	05/11/2006	MỸ TIẾN, NAM ĐỊNH		8.5	8				16.5	0.25	0	16.75
DD918	TRẦN BẢO TRÂM	Nữ	27/09/2007	HOÀ BÌNH, THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI				9.1	8.3		17.4	0.25	0	17.65
DD919	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	18/12/2007	ỨNG THIÊN, HÀ NỘI	9.2	9.2					18.4	0.25	0	18.65
DD920	PHẠM TRÀ MY	Nữ	11/07/2007	HÀ PHONG, THANH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH	8.1			8.3			16.4	0.25	0	16.65
DD921	NGUYỄN NHƯ TƯỜNG LÂM	Nam	05/02/2007	THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.6	9					17.6	0.25	0	17.85
DD922	TRẦN THỊ THANH HIỀN	Nữ	13/08/2007	ĐỒNG CHÂU, HƯNG YÊN	7.8	8.1					15.9	0.5	0	16.4
DD923	LÊ THÙY TRÂM	Nữ	27/09/2007	GIAO XUÂN, GIAO THỦY, NAM ĐỊNH		7.6		8.1			15.7	0.5	0	16.2
DD924	NGÔ THỊ HẰNG	Nữ	11/08/2007	XÃ AN KHÁNH, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		7.7		8.9			16.6	0.25	0	16.85
DD925	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	29/11/2007	XÃ HOA VIÊN, HÀ NỘI		9.2			9.4		18.6	0.25	0	18.85
DD926	TRẦN NGỌC MY	Nữ	01/06/2007	XÃ NGỌC LŨ ,HUYỆN BÌNH LỤC, HÀ NAM		8.6	8.7				17.3	0.5	0	17.8
DD927	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/10/2007	ĐA TỐN, HÀ NỘI	7.4	7.7					15.1	0.25	0	15.35
DD928	TRẦN VĂN LỰC	Nam	28/01/2007	PHÚ ĐỊNH, QUẢNG BÌNH				8.9	8.8		17.7	0.5	0	18.2
DD929	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	29/04/2007	XÃ PHÚ ĐỊNH, QUẢNG BÌNH	8.1				7.6		15.7	0.5	0	16.2

DD930	ĐÀO DIỆP PHƯƠNG	Nữ	28/07/2007	PHƯỜNG CỬA ÔNG, QUẢNG NINH		8.2			5.8		14	0.25	0	14.25
DD931	LÊ THANH HUYỀN	Nữ	06/09/2007	XÃ TỐT ĐỘNG, HÀ NỘI				9.4		9.1	18.5	0.25	0	18.75
DD932	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	Nữ	03/09/2007	THANH OAI, HÀ NỘI	8.1			8.8			16.9	0.25	0	17.15
DD933	PHAN YẾN NHI	Nữ	11/03/2007	XÃ SÀI SƠN, HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI				8.8		8.3	17.1	0.25	0	17.35
DD934	NGUYỄN VIỆT TÚ	Nam	02/06/2007	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	7.9		7.5				15.4	0.25	0	15.65
DD935	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	24/04/2007	AN THƯỢNG, HÀ NỘI				8.5	8.2		16.7	0.25	0	16.95
DD936	ĐỖ ÁNH NGỌC	Nữ	04/12/2007	THỊ TRẦN VĨNH TƯỜNG, VĨNH PHÚC	7.5	7.2					14.7	0.5	0	15.2
DD937	LỖ VĂN TÌNH	Nam	05/06/2007	TIẾN THẮNG, HÀ NỘI	6.3	7.4					13.7	0.25	0	13.95
DD939	DƯƠNG ĐÌNH TÚ	Nam	29/01/2007	NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI		8.7		8.8			17.5	0	0	17.5
DD940	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	22/01/2007	XÃ PHÚ ĐỊNH, QUẢNG BÌNH				8.8	8.7		17.5	0.5	0	18
DD941	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	15/06/2007	VẠN TRẠCH, QUẢNG BÌNH				9	9.3		18.3	0.5	0	18.8
DD942	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	23/11/2007	PHƯỜNG VẠN PHÚC, HÀ NỘI	8.2	8.5					16.7	0	0	16.7
DD943	TRẦN HỮU TOÀN	Nam	14/06/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					7.7	8.4	16.1	0.25	0	16.35
DD944	LÊ KIỀU LINH	Nữ	01/11/2007	THỊ XÃ NGHĨA LỘ, YÊN BÁI	7.5				7.1		14.6	0.75	0	15.35
DD945	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	13/06/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.1	8.1					17.2	0.25	0	17.45
DD946	PHẠM THỊ THU THẢO	Nữ	06/11/2007	THANH OAI, HÀ NỘI		7.9				8.8	16.7	0.25	0	16.95
DD947	PHẠM THỊ TUYẾT TRINH	Nữ	06/03/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI	9.6	9.6					19.2	0.25	0	19.45
DD948	BÙI THANH HẢI	Nam	06/07/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.7	8.1					16.8	0	0	16.8

DD950	DOÃN THỊ THANH TÂM	Nữ	02/11/2007	PHƯỜNG TRƯỜNG THỊ, THANH HOÁ	8.3		8				16.3	0.25	0	16.55
DD951	ĐỖ DIỆU LINH	Nữ	14/02/2007	XÃ VĨNH TƯỜNG, PHÚ THỌ				8	7.8		15.8	0.5	0	16.3
DD952	TRẦN THỊ HUỆ	Nữ	05/11/2007	ỨNG THIÊN, HÀ NỘI	9	8.1					17.1	0.25	0	17.35
DD953	VŨ THỊ THU HÀ	Nữ	27/09/2007	XÃ KIÊN LAO, BẮC NINH	7.7	7.9					15.6	0.75	0	16.35
DD954	BÙI NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	22/11/2007	QUYẾT TÂM, SƠN LA	6.5	6.6					13.1	0.75	0	13.85
DD955	ĐẶNG LÊ BẢO CHÂM	Nữ	26/12/2007	XÃ VIỆT CƯỜNG, TRẦN YÊN, YÊN BÁI		7.5			7.4		14.9	0.75	0	15.65
DD956	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	Nữ	09/08/2007	XÃ MẬU A, LÀO CAI	8			7.8			15.8	0.75	0	16.55
DD957	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	29/05/2007	XÃ HỒNG SƠN, HÀ NỘI		9.2	9.3				18.5	0.25	0	18.75
DD958	NGUYỄN YẾN NGỌC	Nữ	24/02/2007	XÃ XUÂN MAI, HÀ NỘI	7.1			8.2			15.3	0.25	0	15.55
DD959	ĐINH NHƯ QUỲNH	Nữ	24/08/2007	PHÚ LƯƠNG, HÀ NỘI	8.5		8.7				17.2	0.25	0	17.45
DD960	HOÀNG LAN ANH	Nữ	02/11/2007	XUÂN ÁNG, PHÚ THỌ		7.9	6.9				14.8	0.75	0	15.55
DD961	HOÀNG TUẤN QUÂN	Nam	27/12/1995	HOÀ BÌNH, THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	6.5			7.4			13.9	0.25	0	14.15
DD962	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	01/11/2007	HUYỆN MƯỜNG CHÀ, ĐIỆN BIÊN	6.5	7.1					13.6	0.75	0	14.35
DD963	PHẠM THỊ THANH HIỀN	Nữ	25/08/2007	TẢN LĨNH, BA VÌ, HÀ NỘI	8.1				8.9		17	0.25	0	17.25
DD964	NGUYỄN NGỌC LONG CHÂU	Nam	25/09/2007	HOÀNG VĂN THỤ, HÀ NỘI		9.2			9.3		18.5	0.25	0	18.75
DD966	TRẦN TUẤN TÚ	Nam	14/11/2004	HẢI HẬU, NAM ĐỊNH		7.3				7.6	14.9	0.5	0	15.4
DD967	HOÀNG THUỖ CHI	Nữ	10/11/2007	VĂN BÀN, LÀO CAI			7	8.2			15.2	0.75	0	15.95
DD968	NGUYỄN THÀNH AN	Nam	17/11/2005	XÃ PHỤNG CÔNG, VĂN GIANG, HƯNG YÊN	8.5				8.5		17	0.5	0	17.5

DD969	NGUYỄN HỒNG THÚY	Nữ	12/05/2007	XÃ PHÚ NGHĨA, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	9.1		9.2				18.3	0.25	0	18.55
DD970	VŨ TRÀ MY	Nữ	22/04/2007	XÃ HƯNG ĐẠO, HÀ NỘI	7				8.1		15.1	0.25	0	15.35
DD971	CAO THỊ ÁNH SÁNG	Nữ	18/08/2007	XÃ AN TIẾN, HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.3					9.1	18.4	0.25	0	18.65
DD972	PHẠM QUỲNH NHƯ	Nữ	07/10/2007	NINH AN, HOA LƯ, NINH BÌNH		7.3			7		14.3	0.25	0	14.55
DD973	MAI THỊ TRANG	Nữ	01/10/2007	XÃ THỌ LẬP, THANH HOÁ	7.5	8.1					15.6	0.75	0	16.35
DD974	NGUYỄN DIỄM QUỲNH	Nữ	13/05/2007	XÃ TRẦN PHÚ, HÀ NỘI		9.1		9.4			18.5	0.25	0	18.75
DD975	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	17/02/2007	XÃ SƠN ĐÔNG, THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI	8.8					9	17.8	0.25	0	18.05
DD976	ĐẶNG NGUYỄN THUÝ NGÀ	Nữ	14/10/2007	QUẢNG BỊ, HÀ NỘI		9		9.4			18.4	0.25	0	18.65
DD977	TRỊNH QUỲNH TRANG	Nữ	25/12/2007	HỒNG VÂN, THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.8		8.8				17.6	0.25	0	17.85
DD978	HOÀNG HỒNG DIỆU	Nữ	24/11/2007	HỒNG VIỆT, HOÀ AN, CAO BẰNG			7	7.7			14.7	0.75	0	15.45
DD979	NGUYỄN THIÊN HƯƠNG	Nữ	12/03/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.8					8.9	17.7	0	0	17.7
DD980	HOÀNG BÍCH PHƯỢNG	Nữ	31/12/2006	XÃ HOÀ AN, CAO BẰNG		7.5		7.9			15.4	0.75	0	16.15
DD981	LÒ THỊ THẢO	Nữ	15/04/2007	BÁN LAO - MƯỜNG LẠN - ĐIỆN BIÊN, ĐIỆN		7.4				7.9	15.3	0.75	0	16.05
DD982	TRẦN THỊ LAN ANH	Nữ	30/01/2006	(THỌ XUÂN) LIÊN MINH, HÀ NỘI				8.1		8.6	16.7	0.25	0	16.95
DD983	NGUYỄN KHÁNH THIẾN	Nam	04/05/2007	XÃ ĐỐC TÍN, HÀ NỘI	8					8.8	16.8	0.25	0	17.05
DD984	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Nữ	20/02/2007	PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.6		8.6			17.2	0.5	0	17.7
DD985	ĐỖ HÀ NGÂN	Nữ	02/11/2007	XUÂN PHƯƠNG, HÀ NỘI				8	8.7		16.7	0.25	0	16.95
DD986	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	17/10/2007	TUY LAI MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.1			9.2			18.3	0.25	0	18.55

DD987	BÙI THỊ HỒNG THẨM	Nữ	01/01/2004	XÃ ĐỒNG LỘC, HUYỆN CAN LỘC, HÀ TĨNH					8	7.2	15.2	0.5	0	15.7
DD988	LƯU ĐỨC GIA HUY	Nam	05/07/2007	XÃ BẮC TRẠCH, QUẢNG TRỊ	8	7					15	0.5	0	15.5
DD989	ĐÀO THỊ KHÁNH CHI	Nữ	02/04/2007	XÃ HOANG LONG, HUYỆN PHÚ XUYÊN, HÀ NỘI	8.3	7.6					15.9	0.25	0	16.15
DD990	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	19/10/2007	XÃ THỊNH SƠN, HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, NGHỆ AN	8.6	8.7					17.3	0.5	0	17.8
DD991	HOÀNG TRÚC QUỲNH	Nữ	14/03/2005	LONG BẮC SƠN, LẠNG SƠN	7	7.6					14.6	0.75	0	15.35
DD992	NGUYỄN THU MINH	Nữ	08/01/2007	PHƯỜNG TRƯNG VÂN, QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI		6.3			8.3		14.6	0	0	14.6
DD993	ĐINH NGỌC HẢI	Nam	02/11/2007	TUY LẠI, MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.1				9.7		18.8	0.25	0	19.05
DD994	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	03/12/2004	PHÚ XUYÊN, HÀ NỘI	6.4	6.4					12.8	0.25	0	13.05
DD995	LÊ THẾ NAM	Nam	01/02/2006	PHƯỜNG ĐẠI MỖ, HÀ NỘI		7.8	7.9				15.7	0	0	15.7
DD996	SA KHÁNH HƯNG	Nam	28/10/2006	XÃ HUY HẠ, HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA	6.3					6.4	12.7	0.75	0	13.45
DD997	NGUYỄN THANH NHÀN	Nữ	10/10/2007	PHƯỜNG PHÚ HẢI, QUẢNG BÌNH				7.3	7.9		15.2	0.25	0	15.45
DD998	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	19/03/2007	XÃ PHÚ NGHĨA, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.8			9			16.8	0.25	0	17.05
DD999	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	12/10/2007	XÃ QUANG SƠN, HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, NGHỆ AN	8	8.3					16.3	0.5	0	16.8
DDD035	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	19/08/2007	PHƯỜNG ĐẠO THANH, ĐỒNG THÁP	9.5				9.1		18.6	0.25	0	18.85
DDD036	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	09/01/2007	ĐỒNG TÂM, MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.1	8.2					16.3	0.25	0	16.55
DDD037	ĐOÀN THỊ NGỌC ANH	Nữ	02/04/2004	ĐỘI BÌNH, ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	9.3					8.6	17.9	0.25	0	18.15
DDD038	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	09/08/2007	ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI		9	9				18	0	0	18
DDD039	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	29/09/2007	HÀNG MÃ, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI		7.4	7.4				14.8	0	0	14.8

DDD044	NGUYỄN VŨ KHÁNH NGỌC	Nữ	12/06/2007	HẠ BẮNG, HÀ NỘI	8.1	8.5					16.6	0.25	0	16.85
DDD046	TRẦN THỊ QUYÊN	Nữ	07/10/2005	XÃ PHÚC LÂM, HÀ NỘI		7.9		8			15.9	0.25	0	16.15
DDD047	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	31/01/2006	HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	8.1					8.7	16.8	0	0	16.8
DDN022	NGUYỄN KHÁNH BẢO AN	Nữ	21/09/2007	HOÀN KIẾM, HÀ NỘI	6.7			7.6			14.3	0	0	14.3
DDN023	TRỊNH THỊ XUÂN THU	Nữ	26/09/2007	XÃ HỢP ĐỨC, HUYỆN TÂN YÊN, BẮC GIANG		8.1				8.2	16.3	0.75	0	17.05
DDN024	PHAN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	16/02/2007	XÃ QUẤT ĐỘNG, HÀ NỘI	8.7	8.1					16.8	0.25	0	17.05
DDN025	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	13/06/2007	VIÊN NỘI, ỨNG HOÀ, HÀ NỘI		8.2		9.1			17.3	0.25	0	17.55
DDN026	NGUYỄN KHÁNH NHI	Nữ	14/11/2007	MỘC CHÂU, SƠN LA		7.6			7		14.6	0.75	0	15.35
DDN027	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆM	Nữ	01/11/2007	XÃ THUẦN TRUNG, NGHỆ AN	8.1	8.7					16.8	0.75	0	17.55
DDN028	VŨ THỊ KIM NGÂN	Nữ	17/08/2007	THÀNH PHỐ CHÍ LINH, HẢI DƯƠNG				8.7		8.6	17.3	0.25	0	17.55
DDN029	LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	03/09/2007	BÌNH SƠN, NINH BÌNH	8.6	8.1					16.7	0.5	0	17.2
DDN030	LÊ THANH HIẾU	Nam	11/07/2007	THỊ TRẦN LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ	6.5				7.8		14.3	0.75	0	15.05
DDN031	HOÀNG ĐỨC MINH	Nam	27/09/2007	PHƯỜNG GIẢNG VÕ, HÀ NỘI				9.1	8.9		18	0	0	18
DDN032	VÕ HUYỀN TRANG	Nữ	28/07/2007	PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	7.6	8.2					15.8	0.25	0	16.05
DDN033	NGUYỄN MINH HOÀ	Nữ	30/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9	8.9					17.9	0	0	17.9
DDN034	NGUYỄN MINH CHÂU	Nữ	06/10/2007	PHƯỜNG VĂN QUÁN, HÀ NỘI	8.6	8.5					17.1	0	0	17.1
DDN035	BÙI THỊ HOA	Nữ	11/12/2007	XÃ NGHĨA HƯNG, BẮC GIANG		7.7		9			16.7	0.5	0	17.2
DDN036	BẠCH THỊ THẢO LINH	Nữ	09/07/1999	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.2					8.4	16.6	0	0	16.6

DDN037	TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	Nam	25/03/2007	XÃ THIỆU TRUNG, THANH HOÁ	7.5			7.9			15.4	0.5	0	15.9
DDN038	CAO HỮU NGUYỄN	Nam	03/05/2007	TRẦN THƯƠNG, HÀ NAM	8.1	6.8					14.9	0.25	0	15.15
DDN039	ĐÀO XUÂN NAM	Nam	06/03/2007	NHÂN THỊNH, HÀ NAM	7.1		7.4				14.5	0.5	0	15
DDN040	NGUYỄN HUY HIỆU	Nam	10/10/2007	XÃ PA KHOÁ, LAI CHÂU	6.1			6.5			12.6	0.75	0	13.35
DDN041	TRẦN MẠNH CƯỜNG	Nam	10/02/2007	XÃ NHÂN HÀ, NINH BÌNH	7.6	6.1					13.7	0.5	0	14.2
DDN043	TRỊNH MINH HOÀNG	Nam	18/10/2007	XÃ HƯƠNG SƠN, HÀ NỘI	9.4		9.1				18.5	0.25	0	18.75
DDN044	NGUYỄN THẢO HIỀN	Nữ	17/07/2006	XÃ MẬU A, LÀO CAI					7.3	7.2	14.5	0.75	0	15.25
DDN045	HÀ THUỖ LINH	Nữ	02/03/2007	CHIỀNG MUNG, SƠN LA		7.4			7.3		14.7	0.75	0	15.45
III	Ngành Hộ sinh													
HS030	BẾ THỊ TRANG	Nữ	29/11/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI				8.2		8.6	16.8	0.25	0	17.05
HS032	VŨ THỊ KIM CÚC	Nữ	11/03/2007	XÃ TUY LAI, HÀ NỘI	8.6				8		16.6	0.75	0	17.35
HS033	ĐỖ THUỖ LINH	Nữ	19/07/2007	AN SINH, QUẢNG NINH		8.2		8.9			17.1	0.25	0	17.35
HS034	ĐỖ YẾN NHI	Nữ	04/07/2007	XUÂN THƯỢNG, XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH		8.3	7				15.3	0.5	0	15.8
HS036	DOÃN THỊ KIỀU OANH	Nữ	28/11/2007	XÃ PHÚC LỘC, HÀ NỘI	8.5	8.8					17.3	0.25	0	17.55
HS037	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	14/08/2007	XÃ KIỀU PHÚ, HÀ NỘI					8.8	9.1	17.9	0.25	0	18.15
HS038	NGUYỄN THỊ THANH NHỊ	Nữ	13/11/2007	XÃ HOÀ XÁ, HÀ NỘI				9.2	8.9		18.1	0.25	0	18.35
HS039	ĐỖ THỊ KIM ANH	Nữ	11/03/2007	NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	7.3	8.3					15.6	0	0	15.6
HS040	VŨ MAI ANH	Nữ	06/02/2007	PHƯỜNG LĨNH NAM, HÀ NỘI	7.4	8.1					15.5	0	0	15.5

HS041	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	14/06/2007	SÓC SƠN, HÀ NỘI	8			8			16	0.25	0	16.25
HS042	VŨ LÊ BẢO CHÂM	Nữ	26/12/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		9.1	8.4				17.5	0.25	0	17.75
HS043	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	18/06/2025	PHÚC SƠN, HÀ NỘI				9	8.8		17.8	0.25	0	18.05
HS044	NGUYỄN THỊ KIM KHÁNH	Nữ	03/06/2007	XÃ SONG PHƯƠNG, HÀ NỘI			9.1	8.6			17.7	0.25	0	17.95
HS046	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	28/07/2007	XÃ YÊN SỞ, HÀ NỘI	6.4	6.5					12.9	0.25	0	13.15
IV	Ngành Kỹ thuật Vật lý trị liệu và Kỹ thuật phục hồi chức năng													
PHCN073	TRƯƠNG NHẬT MINH	Nam	10/10/2007	THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, VĨNH PHÚC	6.5				6.6		13.1	0.25	0	13.35
PHCN074	NGUYỄN LƯU DANH	Nam	10/01/2007	PHƯỜNG LONG BIÊN, HÀ NỘI			8.4			8.3	16.7	0	0	16.7
PHCN075	PHẠM TRÀ MY	Nữ	02/10/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		7.3				8.9	16.2	0	0	16.2
PHCN076	NGUYỄN KIỀU TRANG	Nữ	10/08/2007	XÃ VĂN KHÉ, HÀ NỘI	7					8.5	15.5	0.25	0	15.75
PHCN077	HỨA GIA BẢO	Nam	19/12/2007	HUYỆN HẠ HOÀ, PHÚ THỌ	5.4					7	12.4	0.5	0	12.9
PHCN078	VŨ VIỆT LONG	Nam	24/12/2007	BIÊN GIANG, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.8	8.5					16.3	0	0	16.3
PHCN079	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	18/12/2007	PHƯỜNG ĐẠI MỖ, HÀ NỘI	7.2	7.7					14.9	0.75	0	15.65
PHCN080	LÊ TRẦN TRUNG	Nam	02/10/2007	XÃ PHIÊN KHOÀI, SƠN LA					6.8	7.6	14.4	0.75	0	15.15
PHCN081	ĐẶNG VŨ HOÀNG	Nam	08/11/2007	PHƯỜNG MINH XUÂN, TP. TUYẾN QUANG				8.2	8		16.2	0.75	0	16.95
PHCN082	NGÔ THU PHƯƠNG	Nữ	23/06/2007	BẮT BẠT, HÀ NỘI			8.1			7.7	15.8	0.75	0	16.55
PHCN083	VŨ QUANG VINH	Nam	01/09/2006	BÌNH GIANG, HẢI DƯƠNG	7.8	7.7					15.5	0.25	0	15.75
PHCN084	NGÔ DOÃN MINH PHÚC	Nam	16/02/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8	7					15	0	0	15

PHCN085	PHÙNG THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	11/04/2007	XÃ TỒNG BẠT, HÀ NỘI	9			9.5			18.5	0.25	0	18.75
PHCN086	TRẦN QUỲNH CHI	Nữ	08/12/2007	PHƯỜNG ĐÀO DUY TỪ, THANH HOÁ	8.4	8.3					16.7	0.5	0	17.2
PHCN087	PHÙNG THÁI TUẤN	Nam	01/08/2007	XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI		8.7	8.9				17.6	0.25	0	17.85
PHCN088	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	17/05/2007	PHƯỜNG HÀ GIANG 2, TUYÊN QUANG		6.8	6.8				13.6	0.75	0	14.35
PHCN089	LÊ XUÂN TRƯỜNG	Nam	18/01/2007	XÃ THẠCH THẮT, HÀ NỘI	8.6					8.4	17	0.25	0	17.25
PHCN090	PHẠM YẾN NHI	Nữ	29/05/2007	PHƯỜNG NGUYỄN THÁI HỌC, THÀNH PHỐ VĂN DẢI, VĂN DẢI		7.5		7.6			15.1	0.75	0	15.85
PHCN091	VƯƠNG XUÂN MIÊU	Nam	30/01/2007	THIỆU TIẾN, THIỆU HÓA, THANH HOÁ			7.2	7.6			14.8	0.5	0	15.3
PHCN092	ĐỖ QUANG HẢI	Nam	12/02/2007	TỨ DÂN, HƯNG YÊN		8.5		8.2			16.7	0.75	0	17.45
PHCN094	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	13/11/2007	VÂN TỪ, HÀ NỘI	9.7		9.1				18.8	0.25	0	19.05
PHCN097	ĐỖ HỒNG VÂN	Nữ	31/01/2007	TIÊU ĐÔNG, BÌNH LỤC, HÀ NAM	9.1				9.2		18.3	0.5	0	18.8
PHCN098	ĐỖ NHẬT ÁNH	Nữ	19/02/2007	NAM TRỰC, NAM ĐỊNH	8.5				8.8		17.3	0.5	0	17.8
PHCN099	NGUYỄN BÍCH LIÊN	Nữ	02/09/2007	ĐÔNG ANH, HÀ NỘI	7.6		7				14.6	0.25	0	14.85
PHCN100	NGUYỄN BÁ DƯƠNG	Nam	05/04/2007	XÃ MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		8.6	8.6				17.2	0	0	17.2
PHCN101	NGUYỄN KHẮC ĐẠT	Nam	08/04/2007	PHƯỜNG HÒA BÌNH, PHÚ THỌ	8.2	9					17.2	0.75	0	17.95
PHCN102	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	09/08/2007	XÃ TỐT ĐỘNG, HÀ NỘI	9.1					8.8	17.9	0.25	0	18.15
PHCN104	LÊ PHÚC QUÝ	Nam	09/08/2007	XÃ THANH OAI, HÀ NỘI	7.2	7					14.2	0.25	0	14.45
PHCN105	HOÀNG THÙY LINH	Nữ	01/01/2007	PHỤNG THƯỢNG, HÀ NỘI					9.6	9.2	18.8	0.25	0	19.05
PHCN106	LÊ TRƯỜNG ĐỨC ANH	Nam	16/10/2007	XUÂN MAI, HÀ NỘI	7.8	7.8					15.6	0.25	0	15.85

PHCN107	PHẠM THỤC HẠNH	Nữ	16/09/2007	NHÂN CHÍNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI		8.1				8.9	17	0	0	17
PHCN108	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	14/08/2007	XÃ ĐÔNG KẾT, HƯNG YÊN			8.6	8.7			17.3	0.5	0	17.8
PHCN109	NGUYỄN HOÀNG YẾN	Nữ	09/12/2007	XÃ HÒA XÁ, HÀ NỘI		9.1	9.1				18.2	0.25	0	18.45
PHCN110	KIM VĂN DŨNG	Nam	23/12/1994	NGỌC HỒI, HÀ NỘI					7.7	7.4	15.1	0.25	0	15.35
PHCN111	HOÀNG THỊ KIỀU DIỄM	Nữ	02/04/2007	XÃ CẨM KHÊ, PHÚ THỌ	8					8	16	0.5	0	16.5
PHCN112	NGUYỄN MINH NHẬT	Nam	25/04/2006	XÃ NGHĨA DÂN, HƯNG YÊN		8.1				8.9	17	0.25	0	17.25
PHCN113	LÊ HỮU LỢI	Nam	25/11/2007	ĐÀO DUY TỪ, THANH HOÁ			8.5			8.3	16.8	0.25	0	17.05
PHCN114	NGUYỄN TRẦN THANH TRÚC	Nữ	01/04/2007	XÃ LỘC NGA, TP BẢO LỘC, LÂM ĐỒNG			8.5	8			16.5	0.75	0	17.25
PHCN115	ĐỖ THỊ THUÝ BÌNH	Nữ	27/11/2007	XÃ QUẢNG BỊ, HÀ NỘI		9.1				9	18.1	0.25	0	18.35
PHCN116	ĐINH TIẾN THÀNH	Nam	03/11/2007	TÔ HIỆU, SƠN LA	8.1				8.2		16.3	0.75	0	17.05
PHCN117	MAI THANH THẢO	Nữ	31/08/2007	TIÊU SƠN, TAM SƠN, BẮC NINH	6.7	6.6					13.3	0.25	0	13.55
PHCN118	CAO THUỖ GIANG	Nữ	15/03/2007	BẠCH LONG, GIAO THUỖ, NAM ĐỊNH					8.6	7.7	16.3	0.5	0	16.8
PHCN119	TRẦN THỊ MINH NGỌC	Nữ	17/11/2007	THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.3	8.2					16.5	0.25	0	16.75
PHCN120	LÊ THỊ THẢO VY	Nữ	04/12/2007	QUẢNG PHÚ CẦU, HÀ NỘI	8.8	8.3					17.1	0.25	0	17.35
PHCN121	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	28/06/2006	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	7.9	7.9					15.8	0.25	0	16.05
PHCN122	NGÔ TIẾN ĐÔNG	Nam	10/06/2007	XÃ HƯNG TRẠCH, QUẢNG BÌNH	8.5					9.1	17.6	0.75	0	18.35
PHCN123	NGUYỄN VĂN KHANG	Nam	03/10/2006	THANH OAI, HÀ NỘI	8.4				8.9		17.3	0.25	0	17.55
PHCN124	TRẦN HOÀNG MINH	Nam	22/05/2007	XÃ NAM PHÙ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	7.9		7.5				15.4	0.25	0	15.65

V	Ngành Chăm sóc sắc đẹp													
SD121	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	Nữ	14/11/2007	HOÀ XÁ, HÀ NỘI		9.1				8.4	17.5	0.25	0	17.75
SD122	NGUYỄN VŨ HẢI YẾN	Nữ	02/11/2007	PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.2				8.6		16.8	0	0	16.8
SD123	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Nữ	15/09/2003	VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI				8.4	8.3		16.7	0.25	0	16.95
SD124	ĐỖ NGUYỄN KIM KHÁNH	Nữ	23/01/2007	GIA LÂM , HÀ NỘI, HÀ NỘI		8.5	9.1				17.6	0.25	0	17.85
SD125	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Nữ	30/07/2007	HƯNG ĐẠO, HÀ NỘI	8.4	7.5					15.9	0.25	0	16.15
SD126	LƯƠNG THỊ THUÝ	Nữ	23/10/2007	XÃ PHƯƠNG LƯƠNG, HUYỆN MỘC CHÂU, SƠN HÀ		6.3		7.5			13.8	0.75	0	14.55
SD127	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	10/12/2007	XÃ VINH THẠNH - ĐÔNG ANH-HÀ NỘI, HÀ NỘI		7.6				8.5	16.1	0.25	0	16.35
SD128	ĐÀO THỊ KIM OANH	Nữ	04/12/2007	XÃ PHÚ TÚC, HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	8.5	7.3					15.8	0.25	0	16.05
SD129	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/09/2007	XÃ TÂN TRƯỞNG, HUYỆN CẨM GIANG, HẢI DƯƠNG				8.1	8.8		16.9	0.5	0	17.4
SD130	PHẠM THỊ LAN ANH	Nữ	19/08/2007	XÃ TRỰC ĐẠO, NAM ĐỊNH					8.2	7.3	15.5	0.5	0	16
SD131	BẠCH THỊ HIỀN	Nữ	21/07/2007	XÃ AN PHÚ, HÀ NỘI	7.3	7.3					14.6	0.25	0	14.85
SD132	TRƯƠNG QUỐC ĐẠT	Nam	09/12/2007	VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM, HÀ NỘI		6.8				7.6	14.4	0	0	14.4
SD133	ĐÀM THỊ THUỶ LINH	Nữ	26/11/2007	NAM SƠN, TP BẮC NINH, BẮC NINH		6		8.1			14.1	0.25	0	14.35
SD134	TẠ KHÁNH LINH	Nữ	02/09/2007	CHƯƠNG DƯƠNG, HÀ NỘI	7.7	7.1					14.8	0.75	0	15.55
SD135	HOÀNG NHƯ QUỲNH	Nữ	01/11/2007	XÃ HOÀNG XÁ, HUYỆN THANH THỦY, PHÚ THỌ		7	7.1				14.1	0.75	0	14.85
SD136	LƯU HÀ YẾN VI	Nữ	15/03/2005	HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG	8.5	8.2					16.7	0	0	16.7
SD137	NGUYỄN MAI LINH	Nữ	22/10/2007	SÀI SƠN, QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.3	8					16.3	0.25	0	16.55

SD138	VŨ THỊ TRÀ MY	Nữ	16/03/2007	THỌ VINH, KIM ĐỘNG, HƯNG YÊN		7.3	7.6				14.9	0.5	0	15.4
SD139	TRẦN THỊ THANH NGOAN	Nữ	01/02/2007	CHÙA HANG, THÁI NGUYÊN		7.4		8			15.4	0.25	0	15.65
SD140	HOÀNG BÁCH HỢP	Nữ	05/07/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.1	7.7					15.8	0.25	0	16.05
SD141	ĐINH THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	25/09/2007	CAO THÀNH, ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	8.6					8.4	17	0.25	0	17.25
SD142	PHẠM THỊ HOA	Nữ	22/02/2007	XÃ THANH THUỶ, PHÚ THỌ		7.2	6.4				13.6	0.75	0	14.35
SD143	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	21/06/2007	NINH GIANG, HẢI DƯƠNG	7.5	8.2					15.7	0.75	0	16.45
SD144	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Nữ	24/07/2007	XÃ TAM HƯNG, HÀ NỘI	7.7	7.4					15.1	0.25	0	15.35
SD145	TRẦN THUỶ TRANG	Nữ	10/01/2007	GIA CẨM, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, PHÚ THỌ			8.3		8		16.3	0.25	0	16.55
SD147	NGUYỄN THUỶ LINH	Nữ	08/01/2007	PHƯỜNG PHÚ LƯƠNG, HÀ NỘI		8.6		9.3			17.9	0	0	17.9
SD148	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	Nữ	17/10/2006	MINH PHÚ, HÀ NỘI		7.9				8.9	16.8	0.25	0	17.05
SD149	PHẠM HÀ MY	Nữ	05/10/2007	XÃ PHƯƠNG TRUNG, HÀ NỘI	8.6	8.2					16.8	0.25	0	17.05
SD150	ĐINH HỒNG HÀ	Nữ	10/08/2007	THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH, HƯNG YÊN	8.9	9					17.9	0	0	17.9
SD151	PHẠM NHƯ QUỲNH	Nữ	03/10/2007	XÃ ĐÔNG CẠC, HUYỆN ĐÔNG HƯNG, THÁI BÌNH	8.2	8.4					16.6	0.5	0	17.1
SD152	NGUYỄN KIỀU NGÂN	Nữ	03/01/2007	THẮNG LỢI, HÀ NỘI	8.2	7.7					15.9	0.75	0	16.65
SD153	NGUYỄN HÀ THẢO LY	Nữ	26/11/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		9		9.2			18.2	0	0	18.2
SD154	VŨ THỊ THÙY	Nữ	13/03/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.1		8.5	17.6	0.25	0	17.85
SD155	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	26/01/2007	HOÀ THẠCH, HÀ NỘI					8.5	8.5	17	0.25	0	17.25
SD156	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	27/03/2007	XÃ MỸ ĐỨC, HÀ NỘI					9	8.6	17.6	0.25	0	17.85

SD157	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	07/03/2007	BẢO YÊN, LÀO CAI	5.9	7.8					13.7	0.25	0	13.95
SD158	LÊ THỊ CHÂM	Nữ	27/11/2007	XÃ THUỶ XUÂN TIÊN, HÀ NỘI	7.7	8.5					16.2	0.25	0	16.45
SD159	NGUYỄN LỆ QUYÊN	Nữ	24/11/2007	XÃ TÂY PHƯƠNG, HÀ NỘI		7.6	9				16.6	0.25	0	16.85
SD160	ĐÀO MAI TRANG	Nữ	28/11/2007	PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		7.4			9.1		16.5	0.25	0	16.75
SD161	ĐẶNG THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	02/09/2007	PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				7.8	8.7		16.5	0.25	0	16.75
SD162	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	02/10/2007	YÊN KHÁNH, NINH BÌNH		7	6.3				13.3	0.5	0	13.8
SD163	PHẠM GIA KIỆM	Nam	20/05/2006	TIÊN LƯƠNG, CẨM KHÊ, PHÚ THỌ			7.9			7.9	15.8	0.75	0	16.55
SD164	BÙI THUY LINH	Nữ	28/05/2007	BẠCH THƯỢNG, HÀ NAM	7.4	7					14.4	0.75	0	15.15
SD165	ĐÀO THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	12/04/2007	DÂN HOÀ, HÀ NỘI	7.3	7.2					14.5	0.25	0	14.75
SD166	BÙI THỊ THUY TRANG	Nữ	06/01/2006	ĐÔNG CÁC, ĐÔNG HƯNG, THÁI BÌNH		8.5		8.4			16.9	0.5	0	17.4
SD167	NGUYỄN HIỀN TRANG	Nữ	13/12/2007	THỊ TRẦN GIA KHÁNH, BÌNH XUYỀN, VĨNH PHÚC		7.7			8.9		16.6	0.25	0	16.85
SD168	NGUYỄN THỊ THUÝ	Nữ	22/11/2002	KIỀU PHÚ, HÀ NỘI				8		7.8	15.8	0.25	0	16.05
SD169	NGUYỄN THỊ ĐIỀU LINH	Nữ	22/07/2007	XÃ PHƯƠNG TỐ, HUYỆN ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	8			7.7			15.7	0.25	0	15.95
SD170	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	22/12/2007	LIÊN HIỆP, HƯNG HÀ, THÁI BÌNH			8.2		8.6		16.8	0.5	0	17.3
SD171	LÊ HỒNG ÁNH	Nữ	15/08/2007	XÃ NAM TIẾN, HUYỆN NAM TRỰC, NINH BÌNH	8			8.3			16.3	0.5	0	16.8
SD173	NGUYỄN HỮU PHẦN	Nam	18/02/2006	AN TIẾN, MỸ ĐỨC, HÀ NỘI				8.4	8.3		16.7	0.25	0	16.95
SD174	ĐOÀN MINH UYÊN	Nữ	10/11/2007	NAM TIẾN, NAM ĐỊNH	7.3	8.1					15.4	0.5	0	15.9
SD175	BÙI THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	03/12/2007	NGỌC MỸ, HÀ NỘI	7.5	7.8					15.3	0.25	0	15.55

SD176	LƯU THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	08/02/2007	XÃ BÍCH HÒA, HÀ NỘI	9.1	8.8					17.9	0.25	0	18.15
SD177	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	12/11/2007	XÃ THANH LỢI (CŨ) XÃ MỄ SỞ (MỚI), HƯNG YÊN		7.1				7.4	14.5	0.5	0	15
SD178	LÊ TRẦN PHƯƠNG GIANG	Nam	01/05/2007	THANH OAI, HÀ NỘI			9			8.7	17.7	0.25	0	17.95
SD179	DƯƠNG THỊ KIM NGÂN	Nữ	03/12/2005	THỊ TRẦN BA HANG ĐỒI, LẠC THUYẾT, HÒA BÌNH	8.4	7.9					16.3	0.75	0	17.05
SD180	TRẦN NHƯ Ý	Nữ	20/01/2007	HỒNG DƯƠNG, THANH OAI, HÀ NỘI		8.6		8.6			17.2	0	0	17.2
SD181	TRẦN THU TRANG	Nữ	25/07/2007	HẢI PHÚ, HẢI HẬU, NAM ĐỊNH			8.8			8.5	17.3	0.5	0	17.8
SD182	LÊ NHẬT ANH	Nữ	29/08/2007	XÃ TRẦN PHÚ, HÀ NỘI					8.3	7.9	16.2	0.25	0	16.45
SD183	TRƯƠNG YẾN NHI	Nữ	15/04/2007	VIÊN NỘI, ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	7.5	8.4					15.9	0.25	0	16.15
SD184	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	23/12/2007	PHƯỜNG DƯƠNG NỘI, HÀ NỘI					9.3	9.5	18.8	0.75	0	19.55
SD185	BÙI DIỆU THẢO	Nữ	27/09/2007	XÃ TUY LAI, HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.1	8.5					17.6	0.25	0	17.85
SD186	ĐẶNG MINH DUYÊN	Nữ	22/06/2007	TẢO DƯƠNG VĂN, HÀ NỘI	8.2	7.7					15.9	0.25	0	16.15
SD187	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	18/03/2007	XÃ XUẤT HOÁ, LẠC SƠN, HÒA BÌNH		8.3	6.5				14.8	0.75	0	15.55
SD188	LÊ THỊ MINH TÂM	Nữ	04/05/2007	NGŨ HIỆP, THANH TRÌ, HÀ NỘI				8.4	8.3		16.7	0.25	0	16.95
SD189	BÙI HƯƠNG TRÀ	Nữ	08/05/2007	XÃ TIỀN HẢI, HƯNG YÊN	7.7	8.4					16.1	0.75	0	16.85
SD190	VŨ THỊ DIỆU LY	Nữ	13/08/2007	HẢI CHÂU, HẢI HẬU, NAM ĐỊNH	8.1	8.1					16.2	0.5	0	16.7
SD191	NGUYỄN YẾN CHI	Nữ	14/08/2007	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, THÁI NGUYÊN			7.3	8.6			15.9	0.25	0	16.15
SD192	PHẠM HÀ MY	Nữ	13/10/2007	PHƯỜNG PHÚC LỢI, HÀ NỘI				8.8	9.2		18	0.25	0	18.25
SD193	TRẦN THỊ THANH NGỌC	Nữ	24/12/2007	PHÚ NGHĨA, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.5		9.2	18.7	0.25	0	18.95

VI	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học													
XN081	LƯƠNG PHƯƠNG ANH	Nữ	08/12/2007	PHƯỜNG HÀM RỒNG, THANH HOÁ	9.1	9					18.1	0.25	0	18.35
XN082	PHẠM THỊ KHÁNH LY	Nữ	07/02/2007	HỒNG VÂN, HÀ NỘI	8.8			9.3			18.1	0.25	0	18.35
XN083	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	20/12/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.2				8.4		16.6	0	0	16.6
XN084	HÀ NGUYỄN NGỌC DUY	Nam	26/11/2007	LƯƠNG BẰNG, KIM ĐÔNG, HƯNG YÊN				7.6		7.4	15	0.25	0	15.25
XN085	LÊ HOÀNG YẾN NHI	Nữ	23/07/2007	YÊN NGUYỄN, TUYẾN QUANG		6.2	6.7				12.9	0.25	0	13.15
XN086	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	20/08/2007	HÒA PHÚ, HÀ NỘI	8.1	7.8					15.9	0.25	0	16.15
XN087	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	31/05/2007	PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.6				8.5		17.1	0.25	0	17.35
XN088	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	10/12/2007	XÃ VĨNH THANH, HÀ NỘI	8.4			8.5			16.9	0.75	0	17.65
XN089	NGUYỄN HỒNG SƠN	Nam	23/11/2007	XÃ HAT AN HUYỆN HẢI HẬU, NAM ĐỊNH	8	8.1					16.1	0.5	0	16.6
XN090	LƯƠNG NGỌC LINH	Nữ	27/11/2007	QUẬN LONG BIÊN, HÀ NỘI	7.6			9.5			17.1	0	0	17.1
XN091	BÙI KIỀU OANH	Nữ	20/12/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.1				9.3		18.4	0.25	0	18.65
XN092	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	01/02/2006	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	7.5					8	15.5	0.25	0	15.75
XN093	NGUYỄN TRƯỜNG KỶ	Nam	14/11/2007	TÂN TRIỀU, THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.1		8.2				16.3	0	0	16.3
XN094	PHẠM THỊ MỸ BÌNH	Nữ	14/08/1996	TRẦN PHÚ, HÀ NỘI	7.1	7.6					14.7	0.25	0	14.95
XN095	TRẦN LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	14/09/2007	XÃ VÂN CANH, HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.6	9.2		18.8	0.25	0	19.05
XN096	TRẦN THUỶ TRANG	Nữ	21/05/2007	XÃ PHONG VÂN, HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI	8.7		8.9				17.6	0.25	0	17.85
XN097	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	05/12/2007	QUAN HOA, HÀ NỘI				8.7	8.6		17.3	0	0	17.3

XN098	LÊ KIỀU TRANG	Nữ	24/05/2007	XÃ KHÁNH HÀ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			8.8	8.7			17.5	0.25	0	17.75
XN099	TRẦN MINH CHÍ	Nam	28/07/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9				8.9		17.9	0	0	17.9
XN101	KHUẤT DIỆU TRINH	Nữ	01/09/2007	THANH LIỆT, HÀ NỘI	8.6	7.8					16.4	0	0	16.4
XN103	LÊ NHẬT ANH	Nữ	29/08/2007	HOÀNG VĂN THỤ, CHƯƠng MỸ, HÀ NỘI					8.3	7.9	16.2	0.25	0	16.45
XN104	TRƯƠNG KHÁNH NGỌC	Nữ	16/07/2007	XÃ HOA THƯỢNG, HUYỆN ĐỒNG HỖ, THÁI NGUYÊN				8.1	8		16.1	0.75	0	16.85
XN105	LỘC THỊ THU HƯỜNG	Nữ	27/11/2007	XÃ QUANG THUẬN, BẮC KẠN	5.6	6.6					12.2	0.75	0	12.95
XN106	VÕ YẾN NHI	Nữ	02/09/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.1	8.8					17.9	0.25	0	18.15
XN107	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	Nữ	06/07/2007	XÃ CƯ KLÔNG, HUYỆN KRÔNG NĂNG, ĐẮK LẮK				7	7.4		14.4	0.75	0	15.15
XN108	NGUYỄN ĐẶNG THÙY TRÂM	Nữ	01/03/2007	XÃ TÂN KỲ, HẢI PHÒNG	8.2	8.6					16.8	0.5	0	17.3
XN109	TRẦN THÀNH LỘC	Nam	30/06/2007	THANH TRÌ, HÀ NỘI					8.4	8.5	16.9	0.25	0	17.15
XN110	TRẦN BÁ VINH	Nam	02/06/2007	PHƯỜNG TRÍ QUẢ, BẮC NINH	7.1	7.1					14.2	0.5	0	14.7
XN111	NGUYỄN VIỆT TÚ	Nam	02/06/2007	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	7.9		7.5				15.4	0.25	0	15.65
XN112	TRẦN NGỌC MINH CHÂU	Nữ	17/05/2007	XÃ THẮNG LỢI, HÀ NỘI		8.1	8				16.1	0.25	0	16.35
XN113	NGUYỄN ĐÌNH TƯỜNG	Nam	13/02/2007	QUẢNG BỊ, HÀ NỘI	7.6	7.9					15.5	0.25	0	15.75
XN114	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	16/03/2007	PHƯỜNG CẨM THƯỢNG, HẢI DƯƠNG		7.2		7.6			14.8	0.25	0	15.05
XN115	HOÀNG THỊ TÂM	Nữ	18/11/2007	HẬU LỘC, THANH HOÁ	8.2	7.4					15.6	0.5	0	16.1
XN116	NGUYỄN THÙY CHI	Nữ	05/01/2007	XÃ PHÚ CHÂU, BA VÌ, HÀ NỘI				8.2	8.3		16.5	0.25	0	16.75
XN117	PHẠM CÔNG MINH	Nam	21/04/2006	PHƯỜNG TÂN PHONG, LAI CHÂU					8.9	9.1	18	0.75	0	18.75

XN118	ĐOÀN BẢO LONG	Nam	27/03/2007	XÃ VĨNG XUYÊN, HÀ NỘI			7			7.8	14.8	0.25	0	15.05
XN119	TRANG QUỐC BẢO	Nam	10/01/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI		8.5				8.7	17.2	0.25	0	17.45
XN120	CHU THỊ NGỌC NGÂN	Nữ	14/04/2007	HỒNG QUANG, ÂN THI, HƯNG YÊN	8.8	8.3					17.1	0.5	0	17.6
XN121	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	19/01/2007	ỨNG THIÊN, HÀ NỘI				9	8.8		17.8	0.25	0	18.05
VII	Ngành Y học cổ truyền													
YHCT057	TRẦN THỊ XUYẾN	Nữ	25/02/1984	CHẤT BÌNH, KIM SƠN, NINH BÌNH				5.8		6.5	12.3	0.5	0	12.8
YHCT058	LÊ THÙY LINH	Nữ	09/12/2007	XÃ BẮC SƠN, HUYỆN BẮC SƠN, LẠNG SƠN		8.5		8			16.5	0.75	0	17.25
YHCT059	CAO TUỆ LINH	Nữ	21/10/2007	PHƯỜNG VĂN QUÂN, QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			8.6			9.2	17.8	0	0	17.8
YHCT060	NGUYỄN THANH THUỶ	Nữ	24/01/2007	TỪ SƠN, BẮC NINH					8.4	8.2	16.6	0.25	0	16.85
YHCT061	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	02/01/2007	THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG, TUYẾN QUANG			7.6			6.5	14.1	0.75	0	14.85
YHCT062	CHU THỊ HỒNG	Nữ	21/07/2007	HẠ GIÁP, PHÚ THỌ	6.2	7.2					13.4	0.25	0	13.65
YHCT063	LÊ TRUNG DŨNG	Nam	09/06/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.6		8.4				17	0	0	17
YHCT064	VŨ THANH NGÂN	Nữ	23/10/2007	XÃ LẬP THẠCH, PHÚ THỌ		7.6			7.7		15.3	0.5	0	15.8
YHCT065	NGUYỄN HỒNG HÀ	Nữ	08/11/2007	LẠC ĐẠO, HƯNG YÊN	8.4			8.7			17.1	0.5	0	17.6
YHCT066	NGUYỄN THỊ TÌNH	Nữ	20/02/2006	PHỐ XỐM, HÀ NỘI	6.7					8.7	15.4	0	0	15.4
YHCT068	TRẦN VĂN HOÀN	Nam	26/02/1991	THỊ TRẤN NGÈN, CAN LỘC, HÀ TĨNH	6.7	6.7					13.4	0.5	0	13.9
YHCT069	NGUYỄN TUẤN HƯNG	Nam	01/09/2007	PHƯỜNG VĂN PHÚC, QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.9	8.3					17.2	0	0	17.2
YHCT070	CAO THANH BÌNH	Nam	21/01/2007	NAM TRỰC, NAM ĐỊNH			8	7.8			15.8	0.25	0	16.05

YHCT071	NGUYỄN THÁI UYÊN	Nữ	23/02/2007	TỔ 8 PHƯỜNG MINH TÂN TP YÊN BÁI, YÊN BÁI	7	7.3					14.3	0.75	0	15.05
YHCT072	HOÀNG THÀNH CÔNG	Nam	24/09/2007	XÃ CÁT THỊNH, HUYỆN VĂN CHẤN, YÊN BÁI	6.7			6.7			13.4	0.75	0	14.15
YHCT073	LÒ CẦM PHƯƠNG THẢO	Nữ	07/12/2007	PHƯỜNG CHIỀNG AN, SƠN LA			8	7.9			15.9	0.75	0	16.65
YHCT074	TRẦN NGỌC BẢO	Nam	04/12/2007	HẢI THỊNH, NINH BÌNH	8	8.4					16.4	0.5	0	16.9
YHCT075	VƯƠNG THỊ THẢO	Nữ	01/01/2007	XÃ HÁT MÔN, HÀ NỘI	7.8		8.5				16.3	0.25	0	16.55
YHCT076	LÊ THỊ ANH THƯ	Nữ	15/08/2007	THANH OAI, HÀ NỘI	7.9	8.6					16.5	0.25	0	16.75
YHCT077	LÊ NGỌC LAN	Nữ	11/11/2007	XÃ BÌNH MINH, HÀ NỘI	7.3	8.2					15.5	0.5	0	16
YHCT078	PHẠM VIỆT HOÀNG	Nam	20/12/2007	XÃ GIA PHÚ, LÀO CAI	7.8				7.4		15.2	0.75	0	15.95
YHCT079	BÙI TUẤN ĐẠT	Nam	26/03/2007	PHƯỜNG AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG				9.3	7		16.3	0.25	0	16.55
YHCT080	LÃ THỊ THU HIỀN	Nữ	22/02/2007	THỊ TRẤN BÌNH MINH, NINH BÌNH	7.2	7					14.2	0.75	0	14.95
YHCT081	PHẠM HẢI NAM	Nam	01/04/2007	XÃ PHƯƠNG TRUNG, HÀ NỘI	9.1			8.8			17.9	0.25	0	18.15
YHCT084	PHẠM QUÝ LÂM	Nam	03/07/2007	THỊ XÃ MỘC CHÂU, SƠN LA	8			8.2			16.2	0.75	0	16.95
YHCT085	NGHIÊM THIỆN KHÁNH	Nam	09/02/2007	THANH CAO, LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH				7.2	7.2		14.4	0.75	0	15.15
YHCT086	VŨ ĐỨC ĐẠT	Nam	28/04/2007	TÂN YÊN, BẮC GIANG				7.7	7.2		14.9	0.5	0	15.4
YHCT087	LÊ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	25/01/2007	XÃ QUANG BÌNH, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, THANH HÓA		8.7		8.5			17.2	0.5	0	17.7
YHCT088	LÊ ĐÌNH PHƯƠNG	Nam	20/05/2007	YÊN NGHĨA, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8	8					16	0.25	0	16.25
YHCT089	CAO MẠNH HUỠNH	Nam	25/08/2002	XÃ GIAO PHONG, GIAO THỦY, NAM ĐỊNH	9.4				9.3		18.7	0.5	0	19.2
YHCT090	ĐỖ HỒNG VY	Nữ	29/08/2007	ĐỒNG LẠC, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.4		9.6	19	0.25	0	19.25

YHCT091	TRẦN XUÂN NAM	Nam	22/08/2007	HỒNG HÀ, HÀ NỘI	8.5					9.5	18	0	0	18
YHCT092	VƯƠNG THỊ BÍCH YẾN	Nữ	24/10/2007	LƯƠNG SƠN, PHÚ THỌ	7	7.7					14.7	0.75	0	15.45
YHCT094	NGUYỄN TRỌNG THƯỢNG	Nam	10/12/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI					8.4	9.3	17.7	0.25	0	17.95
YHCT095	ĐÀO TÙNG DƯƠNG	Nam	25/07/2007	TRUNG VĂN, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	8				8		16	0	0	16
YHCT096	LÃ THỊ HỒNG THẨM	Nữ	22/08/2004	NAM PHÙ, HÀ NỘI					8.9	8.1	17	0	0	17
YHCT097	ĐINH ĐẶNG THÙY LINH	Nữ	21/12/2007	MẠO KHÊ, QUẢNG NINH	9.6					9.6	19.2	0.25	0	19.45
YHCT098	ĐỖ HOÀNG KIỀU ANH	Nữ	15/01/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI				8.2		7.8	16	0	0	16
YHCT099	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	09/11/2007	TÂN HOÀ, PHÚ BÌNH, THÁI NGUYÊN	7.5				8.2		15.7	0.5	0	16.2
YHCT100	LÊ HỮU HOÁ	Nam	19/08/2007	XÃ NINH SỞ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	9		8.2				17.2	0.25	0	17.45
YHCT101	PHẠM VĂN TIẾN	Nam	30/04/2007	XÃ THANH OAI, HÀ NỘI	8.3	8.2					16.5	0.25	0	16.75
YHCT102	LÊ ĐÌNH TẤN	Nam	27/06/2007	CỔ ĐÔ, HÀ NỘI	9.2	8.5					17.7	0.25	0	17.95
VIII	Ngành Y sỹ đa khoa													
YS229	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	04/12/2007	PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI	8.3			8.8			17.1	0.25	0	17.35
YS230	LỤC QUANG VINH	Nam	17/09/2007	XÃ HỮU LŨNG, LẠNG SƠN	7.1			8.1			15.2	0.75	0	15.95
YS231	TẠ VĂN THẮNG	Nam	14/03/1999	MINH QUANG, VŨ THƯ, THÁI BÌNH				8.4	8.3		16.7	0.5	0	17.2
YS232	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	12/01/2007	HỒNG SƠN, HÀ NỘI	8.9	8.4					17.3	0	0	17.3
YS233	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	20/06/1991	QUANG TRUNG, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		6.6		6.2			12.8	0	0	12.8
YS234	PHẠM NGÔ THU TRANG	Nữ	02/07/2007	CẨM KHÊ, PHÚ THỌ	7.9			8.4			16.3	0	0	16.3

YS235	NGUYỄN DUY QUANG	Nam	26/11/2007	XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	7.8			7.3			15.1	0.25	0	15.35
YS236	NGUYỄN VĂN TUẤN TÚ	Nam	13/05/2007	DƯƠNG HOÀ, HÀ NỘI			9.2			8.2	17.4	0.25	0	17.65
YS237	ĐÌNH PHÚC AN	Nam	23/10/2007	THÀNH PHỐ YÊN BÁI, YÊN BÁI		8		9			17	0.75	0	17.75
YS238	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	Nữ	03/12/2007	XÃ CAO VIÊN, HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	9.3				9.3		18.6	0.25	0	18.85
YS239	MA THỊ CHA	Nữ	10/04/2004	TẢ LÈNG, LAI CHÂU	8.3	7.4					15.7	0.75	0	16.45
YS240	PHẠM MINH PHÁT	Nam	05/03/2007	XÃ CHẤT BÌNH, NINH BÌNH				5.2	6.1		11.3	0.5	0	11.8
YS241	TRƯƠNG VŨ TRUNG KIÊN	Nam	02/02/2007	MỎ CHÈ, THÁI NGUYÊN				9.1	8.3		17.4	0.25	0	17.65
YS242	LÂM CẨM TÚ	Nữ	23/06/2007	XÃ HẢI QUANG, NAM ĐỊNH				8.5	7.6		16.1	0.25	0	16.35
YS243	PHÙNG XUÂN TRƯỜNG	Nam	03/06/2007	XÃ XUÂN MAI, HÀ NỘI		8.1		8.7			16.8	0.5	0	17.3
YS244	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	14/02/2007	THỊ TRẤN MỘC CHÂU, SƠN LA				9.1	9.2		18.3	0.75	0	19.05
YS245	BÙI VIỆT ANH	Nam	10/12/2007	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			8			8.5	16.5	0.25	0	16.75
YS246	LƯƠNG VĂN THỊNH	Nam	11/10/2007	TẢ THANH OAI, HÀ NỘI				8.3	7.8		16.1	0.75	0	16.85
YS247	PHẠM ĐỒNG BẢO AN	Nam	27/09/2007	XÃ LÊ LỢI, LAI CHÂU				8	6.7		14.7	0.75	0	15.45
YS248	ĐÀM VĂN THUẬN	Nam	28/09/2007	XÃ TRUNG HÒA, HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		6.8			6.9		13.7	0.25	0	13.95
YS249	PHÙNG THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	23/09/2007	PHƯỜNG TÙNG THIÊN, HÀ NỘI	8.9			8.4			17.3	0.25	0	17.55
YS250	NGUYỄN HOÀNG KIÊN	Nam	11/08/2006	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8		9.5				17.5	0.25	0	17.75
YS251	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	10/12/2007	XÃ VĨNH THANH, HÀ NỘI	8.4	7.8					16.2	0.75	0	16.95
YS252	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	09/03/2007	XÃ TÂN TIẾN, HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.8	8.2					17	0.25	0	17.25

YS253	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	29/08/2007	PHƯỜNG ĐỢI CÁN, THÀNH PHỐ TUYẾN		7.2			7.2		14.4	0.75	0	15.15
YS254	HỒ DIỆU THUÝ VY	Nữ	07/09/2007	QUANG, TUYẾN QUANG XÃ QUỲNH LONG, NGHỆ AN	8.3	8.1					16.4	0.75	0	17.15
YS255	NGUYỄN ANH HÙNG	Nam	06/11/2006	TÂN TIẾN, HƯNG YÊN	8.5	8.1					16.6	0.5	0	17.1
YS257	TRẦN NGỌC HỒNG PHONG	Nam	13/06/2007	TÂN TIẾN, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	9.1	9.1					18.2	0.25	0	18.45
YS258	ĐINH THỊ VÂN ANH	Nữ	24/03/2007	GIA LÂM, NINH BÌNH				7.9	7.7		15.6	0.75	0	16.35
YS259	PHẠM THỊ ÁNH THU	Nữ	28/01/2007	TRÍ QUẢ, BẮC NINH	7.8			8.9			16.7	0.5	0	17.2
YS260	ĐÀO NHẬT ANH	Nam	10/12/2007	NGỌC HOÀ, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.1	8.1		17.2	0.25	0	17.45
YS261	PHẠM TRƯỜNG GIANG	Nữ	21/01/2007	YÊN LẠC, PHÚ THỌ	7.7	7.3					15	0.5	0	15.5
YS262	VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	02/02/2007	XÃ TRUNG GIÃ, HÀ NỘI		8.2		8.6			16.8	0.25	0	17.05
YS263	NGUYỄN CÔNG THƯƠNG	Nam	26/06/2007	BÌNH XUYỀN, VĨNH PHÚC				8.5	8.7		17.2	0.5	0	17.7
YS264	LÊ CÔNG MINH	Nam	03/09/2007	XÃ DÂN HOÀ, HÀ NỘI			9		8.8		17.8	0.25	0	18.05
YS265	TRỊNH NGỌC TRÂM	Nữ	21/08/2007	VIÊN AN, ỨNG HOÀ, HÀ NỘI			9.1	9.1			18.2	0	0	18.2
YS266	NGUYỄN TIẾN THỊNH	Nam	31/01/2006	XÃ THÁI HOÀ, HÀ NỘI					8.7	8.8	17.5	0.25	0	17.75
YS267	LẠI PHƯƠNG TRANG	Nữ	29/08/2007	XÃ HOÀ PHÚ, HÀ NỘI		8.5		9.1			17.6	0.25	0	17.85
YS268	PHẠM TRẦN YẾN NHI	Nữ	13/06/1996	GÒ VẤP, TP HỒ CHÍ MINH				6.7	6		12.7	0	0	12.7
YS269	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	03/06/2007	XÃ HOÀ THẠCH, HÀ NỘI	7.1	7.6					14.7	0.25	0	14.95
YS270	TRẦN BẢO HÀ	Nữ	17/02/2007	NHO QUAN, NINH BÌNH		7.5	7.9				15.4	0.75	0	16.15
YS271	NGUYỄN XUÂN MINH HIẾU	Nam	16/05/2007	XÃ PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI	8	7.6					15.6	0.25	0	15.85

YS272	PHẠM MẠNH ĐỨC	Nam	25/10/2007	HƯƠNG SƠN, HÀ NỘI	8.3				7.7		16	0.25	0	16.25
YS273	TRẦN NGỌC BẢO	Nam	04/12/2007	HẢI THỊNH, NINH BÌNH	8	8.4					16.4	0.5	0	16.9
YS274	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	02/07/2005	LONG AN, ĐỒNG THÁP	7.1	7.5					14.6	0.5	0	15.1
YS275	TRẦN THỊ YẾN	Nữ	10/06/2007	BẮT BẠT, HÀ NỘI	7.6		8.1				15.7	0.75	0	16.45
YS276	NGUYỄN HỮU HẢI PHONG	Nam	17/11/2007	QUẢNG PHÚ CẦU, HÀ NỘI					8.6	8.8	17.4	0.25	0	17.65
YS277	TRẦN CHÍ CHUNG	Nam	11/06/2007	XÃ PHÚC SƠN, HÀ NỘI					9.1	9	18.1	0.25	0	18.35
YS278	NGUYỄN TUẤN MINH	Nam	26/05/2007	XÃ PHÚC SƠN, HÀ NỘI					8.8	8.9	17.7	0.25	0	17.95
YS279	ĐÀO THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	12/12/2007	CAO VIÊN, THANH OAI, HÀ NỘI	9.4				9		18.4	0.25	0	18.65
YS280	ĐỖ QUANG HUY	Nam	19/05/2007	XÃ CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.7	9.3		19	0.25	0	19.25
YS281	NGUYỄN MINH TRANG	Nữ	24/09/2006	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		7.8			9.1		16.9	0.25	0	17.15
YS283	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	24/11/2007	XÃ PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI	7.8	7.9					15.7	0	0	15.7
YS284	BÙI THẾ HOÀNG	Nam	09/01/2005	TÂN HỘI, ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	7.9					8.3	16.2	0.25	0	16.45
YS285	NGUYỄN BẢO TRÂM	Nữ	08/10/2007	XÃ VIÊN AN, HUYỆN ỨNG HOÀ, HÀ NỘI		8.7				8.7	17.4	0.25	0	17.65
YS286	LÊ ĐỨC ANH	Nam	25/10/2007	VĂN BÌNH, THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	7.8				7.5		15.3	0.25	0	15.55
YS287	NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	Nam	09/12/2007	XÃ HƯƠNG SƠN, HÀ NỘI	9.1	8.7					17.8	0.25	0	18.05
YS288	MAI HOÀNG PHÚC	Nam	22/03/2007	AN TRÀNG, QUỲNH PHỤ, THÁI BÌNH				8.2	8.6		16.8	0.5	0	17.3
YS289	TRẦN PHI ANH	Nam	29/06/2007	KIỆC HƯNG, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					7.5	7.7	15.2	0	0	15.2
YS290	BÙI DUY HƯNG	Nam	25/10/2007	CẨM SƠN, CẨM PHẢ, QUẢNG NINH	8.2				9.4		17.6	0.25	0	17.85

YS291	CHU ĐỨC MẠNH	Nam	06/10/2007	XÃ VẬT LẠI, HÀ NỘI	8					9.2	17.2	0.5	0	17.7
YS292	ĐỖ TRUNG HẢI	Nam	07/05/2007	HẢI LĨNH, THANH HOÁ	8.5			9			17.5	0.25	0	17.75
YS295	TẠ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	20/01/2007	NAM MINH, NINH BÌNH				9.7	9		18.7	0.5	0	19.2
YS296	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Nữ	16/05/1994	HOÀ PHÚ, HÀ NỘI	7			7			14	0.25	0	14.25
YS297	ĐỖ HUYỀN TRANG	Nữ	14/03/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					8.2	8	16.2	0.75	0	16.95
YS298	ĐỖ THỊ KIM DUNG	Nữ	24/09/2007	XÃ TÂY PHƯƠNG, HÀ NỘI	8.8			9.3			18.1	0.25	0	18.35
YS299	NGUYỄN TUẤN MINH	Nam	13/07/2007	TRUNG HOÀ, HÀ NỘI				9.1	8.6		17.7	0.25	0	17.95
YS300	ĐÀO VIỆT CƯỜNG	Nam	03/07/2004	XÃ VŨ LĂNG, THÁI BÌNH	8.1				8.3		16.4	0.5	0	16.9
YS301	TRẦN TIẾN KHANH	Nam	05/10/2007	TRỰC ĐẠI, NAM ĐỊNH				9.4	9		18.4	0.5	0	18.9
YS302	PHẠM HOÀNG MINH THƯ	Nữ	21/10/2007	XÃ HỒNG PHONG, NAM ĐỊNH					8.8	8.7	17.5	0.5	0	18
YS303	NGÔ GIA HUY	Nam	15/03/2007	XÃ VỤ BẢN, NAM ĐỊNH	8.4			9.5			17.9	0.75	0	18.65
YS304	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	15/12/2007	XÃ PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI		7.5		8			15.5	0.25	0	15.75
YS305	NGUYỄN NGUYỄN VĂN	Nam	06/09/2006	HUYỆN PHÚ XUYỀN, XÃ PHÚ TÚC, HÀ NỘI	7.7					7.9	15.6	0.25	0	15.85
YS306	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	19/07/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.9	7.9					15.8	0.25	0	16.05
YS309	NGUYỄN KIM LONG	Nam	01/06/2007	HẠP LĨNH, BẮC NINH	7.5			7.8			15.3	0.25	0	15.55
YS310	HOÀNG THỊ HẢI QUYÊN	Nữ	21/11/2007	XÃ CỤ ĐỒNG, THANH SƠN, PHÚ THỌ	6.3	7.3					13.6	0.75	0	14.35
YS311	ĐINH QUANG HẢO	Nam	05/11/2007	XÃ LƯƠNG NHA, PHÚ THỌ	7.1	7					14.1	0.75	0	14.85
YS312	NGÔ THỊ HIỀN	Nữ	04/09/2007	XÃ PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI	7.4	8					15.4	0.25	0	15.65

YS313	TRẦN MINH CHÂU	Nữ	21/10/2007	PHƯỜNG TAM THANH, LẠNG SƠN	7.9		7.8				15.7	0.75	0	16.45
YS314	PHẠM THỊ THUỶ DƯƠNG	Nữ	02/01/2007	GIAO THUỶ, NAM ĐỊNH		8.6		8.2			16.8	0.25	0	17.05
YS315	PHÙNG THẾ CÔNG	Nam	19/10/2007	MỸ LƯƠNG, HÀ NỘI				8.8	9		17.8	0.25	0	18.05
YS316	BÙI HỒNG ANH	Nam	27/10/2007	NHO QUAN, NINH BÌNH				8.3	7.5		15.8	0	0	15.8
YS317	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	14/10/2007	XÃ ĐẠI XUYỀN, HÀ NỘI					8.8	8.2	17	0.25	0	17.25
YS318	PHẠM TÙNG LÂM	Nam	18/10/2006	SƠN TÂY, HÀ NỘI	8.1				8.2		16.3	0.25	0	16.55
YS319	BÙI TRỊNH NGỌC SƠN	Nam	01/06/2007	ỨNG THIÊN, HÀ NỘI		8.1	8.2				16.3	0.25	0	16.55
YS320	NGUYỄN THỊ NHƯ	Nữ	24/10/2006	XÃ LIÊN CHÂU, PHÚ THỌ		7.5			7.5		15	0.5	0	15.5
YS321	NGUYỄN YẾN NGỌC	Nữ	24/02/2007	XÃ XUÂN MAI, HÀ NỘI	7.1			8.2			15.3	0.25	0	15.55
YS322	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	10/02/2005	PHÚC SƠN, HÀ NỘI	7.2	7.5					14.7	0.25	0	14.95
YS323	LÊ THẢO NGÂN	Nữ	17/09/1995	HÀ GIANG 1, TUYÊN QUANG				8	8.5		16.5	0.75	0	17.25
YS324	ĐÀM HÀ PHƯƠNG	Nữ	16/12/2007	THANH VĂN, THANH OAI, HÀ NỘI		7.9			7.8		15.7	0	0	15.7
YS325	LÊ THỊ LÂM OANH	Nữ	16/08/1995	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	6.5				6.5		13	0.5	0	13.5
YS326	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	11/05/2007	THỊ TRẦN THẮNG, HIỆP HOÀ, BẮC GIANG	9.1				8.9		18	0.5	0	18.5
YS327	ĐÀO QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2005	XÃ PHƯƠNG DỤC, HÀ NỘI	8	7.4					15.4	0.25	0	15.65
YS328	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	04/11/2007	PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.6	9.3					17.9	0.25	0	18.15
YS329	TRỊNH VĂN HIẾU	Nam	04/03/2007	ĐẠI YÊN, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.2	9.1		18.3	0.25	0	18.55
YS330	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	29/06/2007	PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI					8.1	8.6	16.7	0.25	0	16.95

YS331	DƯƠNG THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	14/09/2007	XÃ VINH LỘC A, TP HỒ CHÍ MINH				8	7.7		15.7	0	0	15.7
YS332	TRẦN HỒNG SƠN	Nam	18/02/2007	ĐỒNG PHÚ, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.5		9.5	19	0	0	19
YS333	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	Nam	09/02/2007	ĐỒNG LA, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				8.5	8.8		17.3	0.25	0	17.55
YS335	LƯU CHÍ THÀNH	Nam	14/07/2007	XÃ BÌNH MINH, HÀ NỘI	9				8.6		17.6	0.25	0	17.85
YS336	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Nữ	24/07/2007	XÃ TAM HƯNG, HÀ NỘI	7.7	7.4					15.1	0.25	0	15.35
YS337	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	04/06/2007	XÃ TÂN HOÀ, HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI		8.6	8.4				17	0.25	0	17.25
YS338	NÔNG THỊ THÙY	Nữ	09/06/2007	PHÙ YÊN, SƠN LA	7.6	6.5					14.1	0.75	0	14.85
YS339	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	10/02/2007	THỊ TRẤN BẮNG LŨNG, BẮC KẠN			7.9			8	15.9	0.75	0	16.65
YS341	ĐẶNG VIỆT HÙNG	Nam	21/03/2006	TRẦN PHÚ, HÀ NỘI	9.2	8.1					17.3	0.25	0	17.55
YS342	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	02/11/2007	YÊN ĐỒNG -YÊN LẠC, VINH PHÚC	8	7.6					15.6	0.75	0	16.35
YS343	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	Nam	31/10/2007	XÃ PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI					8.6	9	17.6	0.25	0	17.85
YS344	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	17/04/2007	XÃ BÌNH LƯ, LAI CHÂU					7.6	7.9	15.5	0.75	0	16.25
YS345	TRẦN HỒNG NGỌC	Nữ	17/09/2007	THỊ TRẤN ĐỒNG VĂN, HÀ GIANG			9.1		8.5		17.6	0.25	0	17.85
YS346	NGUYỄN HƯƠNG LY	Nữ	08/09/2007	BA VÌ, HÀ NỘI	8.3				7.9		16.2	0.25	0	16.45
YS347	PHẠM QUỐC HUY	Nam	07/02/2007	,MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		7.9				9.1	17	0.25	0	17.25
YS348	NGUYỄN DANH VIỆT ANH	Nam	29/07/2007	XÃ VIÊN NỘI, HÀ NỘI	7.9	8.4					16.3	0.25	0	16.55
YS349	NGUYỄN THỊNH THÀNH ĐĂNG	Nam	24/08/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.8				7.7		15.5	0.25	0	15.75
YS350	ĐẬU QUANG TÀI	Nam	07/07/2007	ĐÔNG HIẾU, NGHỆ AN	8.6	7.7					16.3	0.25	0	16.55

YS351	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	05/07/2007	ĐẠI PHÚC, BẮC NINH				9.4	9.4		18.8	0.25	0	19.05
YS352	HÀ ĐỨC THÁI	Nam	09/02/2001	XÃ TÔ MÚA, VÂN HỒ, SƠN LA	7.8			7.4			15.2	0.75	0	15.95
YS353	PHÙNG THỊ VÂN ANH	Nữ	21/08/2006	XÃ VỐ ĐIỂM, HÀ GIANG					8.2	8.1	16.3	0.75	0	17.05
YS355	BÙI THỊ VÂN ANH	Nữ	10/08/2007	CAO VIÊN, THANH OAI, HÀ NỘI	7.9	8.1					16	0.25	0	16.25
YS356	NGUYỄN TIẾN THỊNH	Nam	03/07/1998	HOÀNG MAI, HÀ NỘI	7.1				7.5		14.6	0	0	14.6
YS357	PHAN VŨ THƯƠNG THẢO	Nữ	10/04/2003	THANH YÊN, ĐIỆN BIÊN	7.4					8.1	15.5	0.75	0	16.25
YS358	ĐỖ TÀI ĐỨC	Nam	21/08/2000	ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI				8		7.6	15.6	0.25	0	15.85
YS359	NGUYỄN KIÊN ĐỊNH	Nam	27/03/2007	AN KHÁNH, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				8.1	7.5		15.6	0	0	15.6
YS360	ĐỖ QUỲNH ANH	Nữ	31/08/2007	PHƯỜNG ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI			7.5			6.9	14.4	0	0	14.4
YS361	CAO MINH DŨNG	Nam	22/12/2007	TRẦN PHÚ, HÀ NỘI	7.3	7.6					14.9	0.25	0	15.15
YS362	BÙI ĐĂNG HIẾU	Nam	23/11/2007	XÃ MAI SƠN, SƠN LA				7.5	7.4		14.9	0.75	0	15.65
YS363	ĐÀM THÚY QUỲNH	Nữ	26/05/2007	XÃ YÊN THƯỜNG, HÀ NỘI				8.5	8.5		17	0	0	17
YS364	TRẦN VIẾT THĂNG	Nam	11/08/2007	KHU PHỐ 4, XÃ SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU	6.2			7.6			13.8	0.75	0	14.55

